**DANH MỤC TÀI LIỆU**
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2022

1. Chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022.
2. Quy chế làm việc tại Đại hội.
3. Thể lệ biểu quyết thông qua các nội dung và bầu nhân sự tại Đại hội.
4. Báo cáo hoạt động năm 2021 và kế hoạch năm 2022 của Hội đồng quản trị.
5. Báo cáo Sản xuất kinh doanh năm 2021 và kế hoạch năm 2022 của Ban điều hành.
6. Báo cáo hoạt động năm 2021 và kế hoạch năm 2022 của Ban kiểm soát.
7. Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 đã kiểm toán.
8. Tờ trình thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 và kế hoạch tài chính năm 2022.
9. Tờ trình thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022.
10. Tờ trình về việc thù lao và chi phí hoạt động Thành viên Hội đồng quản trị và Thành viên Ban Kiểm soát năm 2022.
11. Tờ trình về việc nhân sự Hội đồng quản trị.

BAN TỔ CHỨC

CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

1. Thời gian : 08h30 tới 11h30 ngày 26/04/2022
 2. Địa điểm : Khách sạn Đại Khí PTSC, số 09-11 Hoàng Diệu, thành phố Vũng Tàu

Stt	Thời gian	Nội dung
I. Thủ tục khai mạc		
1.	08h30-09h00	Đón tiếp cổ đông, khách mời, phát thẻ, phiếu biểu quyết, ổn định tổ chức
2.	09h00-09h05	Tuyên bố lý do và giới thiệu khách mời
3.	09h05-09h10	Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông
4.	09h10-09h20	Giới thiệu và biểu quyết thông qua: Đoàn chủ tịch, Thư ký đoàn
II. Nội dung đại hội		
5.	09h20-09h25	Phát biểu khai mạc Đại hội
6.	09h25-09h35	Thông qua Chương trình Đại hội, Quy chế làm việc và Thẻ lệ biểu quyết, bầu nhân sự tại Đại hội
7.	09h35-09h40	Giới thiệu và thông qua thành phần Ban Kiểm phiếu
8.	09h40-09h50	Báo cáo hoạt động năm 2021 và kế hoạch năm 2022 của HĐQT
9.	09h50-10h00	Báo cáo SXKD năm 2021 và kế hoạch năm 2022 của Ban điều hành
10.	10h00-10h10	Báo cáo hoạt động năm 2021 và kế hoạch năm 2022 của BKS
11.	10h10-10h15	Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 đã kiểm toán
12.	10h15-10h20	Tờ trình thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 và kế hoạch tài chính năm 2022
13.	10h20-10h25	Tờ trình thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022
14.	10h25-10h30	Tờ trình về việc thù lao và chi phí hoạt động thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát năm 2022
15.	10h30-10h35	Tờ trình về việc nhân sự Hội đồng quản trị
16.	10h35-10h55	Đại hội thảo luận và biểu quyết thông qua các nội dung báo cáo
17.	10h55-11h10	Nghỉ giải lao và kiểm phiếu
18.	11h10-11h25	Đại diện lãnh đạo Tổng công ty phát biểu
19.	11h25-11h30	Công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết
20.	11h30-11h35	Thông qua dự thảo Nghị quyết Đại hội
III. Bế mạc Đại hội		
21.	11h35-11h40	Phát biểu tổng kết Đại hội, bế mạc Đại hội

BAN TỔ CHỨC

Vũng Tàu, ngày 26 tháng 4 năm 2022

QUY CHẾ LÀM VIỆC TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2022

Mục tiêu:

- Đảm bảo tuân thủ đúng quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, các quy định pháp luật liên quan, theo nguyên tắc công khai, công bằng và dân chủ;
- Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức và tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí Biển PTSC (Công ty POS).

Ban tổ chức kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội như sau:

I. TRẬT TỰ CỦA ĐẠI HỘI

1. Tất cả các cổ đông đến tham dự Đại hội cổ đông thường niên 2022 của Công ty POS phải ăn mặc lịch sự, chỉnh tề, nghiêm túc.
2. Cổ đông khi vào phòng họp phải ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban tổ chức công bố quy định. Tuyệt đối tuân thủ việc sắp xếp vị trí của Ban tổ chức.
3. Không hút thuốc lá trong phòng họp.
4. Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong lúc diễn ra Đại hội. Tất cả các máy điện thoại di động phải tắt hoặc để chế độ im lặng.

II. PHÁT BIỂU Ý KIẾN TẠI ĐẠI HỘI

1. **Nguyên tắc:** Cổ đông tham dự Đại hội cổ đông khi muốn phát biểu ý kiến phải được sự đồng ý của Chủ tọa.
2. **Cách thức phát biểu:** Cổ đông phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình nghị sự của cuộc họp đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Chủ tịch đoàn sẽ sắp xếp cho cổ đông phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc của cổ đông. Cổ đông không nhắc lại những ý kiến đã phát biểu trước, thời gian phát biểu không quá 5 phút/ một lần.

III. BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC VẤN ĐỀ

Mỗi cổ đông được cấp một *Thẻ biểu quyết* (màu vàng) và một *Phiếu biểu quyết* (màu xanh) ngay khi làm thủ đăng ký cổ đông dự họp, trong đó:

1. **Thẻ biểu quyết:** là tờ màu vàng có in mã số cổ đông, số cổ phần sở hữu, được dùng để giơ lên khi cổ đông được yêu cầu biểu quyết các vấn đề tại Đại hội.
2. **Phiếu biểu quyết:** là tờ màu xanh có in các nội dung để cổ đông biểu quyết gồm hai phần: (i) biểu quyết các nội dung của Đại hội, (ii) bầu nhân sự HĐQT, cụ thể:



- **Biểu quyết các nội dung của Đại hội:** cổ đông biểu quyết các nội dung của Đại hội bằng cách đánh dấu vào một trong ba ô vuông: “Đồng ý”, “Không đồng ý” “Không có ý kiến” đối với tất cả các nội dung trong Phiếu biểu quyết. Các vấn đề được thông qua khi đạt số cổ phần có quyền biểu quyết tán thành của cổ đông tham dự họp với tỷ lệ tối thiểu theo quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14.
- **Bầu nhân sự thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ:** việc bầu nhân sự tại ĐHCĐ (lựa chọn thành viên Hội đồng quản trị) thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu. Cổ đông thực hiện bầu bằng cách đánh dấu x vào ô của nhân sự được chọn do Ban Tổ chức chuẩn bị sẵn hoặc tự điền số phiếu. Mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên Hội đồng quản trị cần bầu tại Đại hội. Kết quả bầu được xác định theo Quy chế bầu cử được ĐHCĐ thông qua.

IV. TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH ĐOÀN:

1. Điều khiển cuộc họp theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định hiện hành, nội dung chương trình nghị sự, các thể lệ, Quy chế đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
2. Hướng dẫn cuộc họp thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình nghị sự của cuộc họp và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình họp.
3. Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.

V. TRÁCH NHIỆM CỦA THƯ KÝ

1. Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến cuộc họp và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại cuộc họp.
2. Soạn thảo Biên bản cuộc họp và các Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại cuộc họp của Đại hội cổ đông thường niên.

VI. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN KIỂM PHIẾU

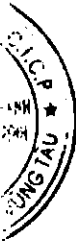
1. Xác định kết quả bầu, biểu quyết của Cổ đông về các vấn đề thông qua tại Đại hội.
2. Công bố kết quả biểu quyết tại Đại hội.
3. Xem xét và báo cáo với Đại hội đồng cổ đông quyết định những trường hợp vi phạm Quy chế liên quan đến vấn đề bầu cử/biểu quyết hoặc các khiếu nại về bầu cử/biểu quyết.

Trên đây là toàn bộ Quy chế làm việc của Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC.

Kính trình Đại hội thông qua.

Trân trọng cảm ơn.

BAN TỔ CHỨC



Vũng Tàu, ngày 26 tháng 4 năm 2022

THẺ LỆ
BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC NỘI DUNG VÀ BẦU NHÂN SỰ
TẠI CUỘC HỌP ĐHĐCB THƯỜNG NIÊN 2022

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14;

Căn cứ Quy chế làm việc đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

Để đảm bảo sự thành công của Đại hội cổ đông thường niên 2022, việc biểu quyết thông qua các nội dung và bầu nhân sự tại cuộc họp thường niên 2022 được thực hiện như sau:

I. BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC NỘI DUNG CỦA ĐẠI HỘI

1. Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết:

Mỗi cổ đông hoặc người được ủy quyền khi đến làm thủ tục đăng ký tham dự họp được Ban tổ chức Đại hội cung cấp **Thẻ biểu quyết** (giấy màu vàng), và **Phiếu biểu quyết** (giấy màu xanh) để biểu quyết thông qua các nội dung và bầu nhân sự tại Đại hội. Trên mỗi Phiếu biểu quyết có ghi rõ thông tin họ tên cổ đông, số lượng cổ phần sở hữu; Nội dung xin biểu quyết, tổng số quyền biểu quyết (mỗi cổ phần được quyền biểu quyết tương ứng với một quyền biểu quyết), các ô tương ứng với từng nội dung để cổ đông lựa chọn quyết định đồng ý hoặc không đồng ý hoặc ý kiến khác.

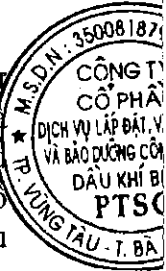
1.1 *Phiếu biểu quyết hợp lệ* là Phiếu có đóng dấu treo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình dầu khí biển PTSC và có đánh dấu lựa chọn vào 1 trong 3 ô vuông đối với từng nội dung xin biểu quyết và có chữ ký của cổ đông/đại diện cổ đông trên Phiếu biểu quyết.

1.2 *Phiếu biểu quyết không hợp lệ* là Phiếu không đảm bảo một trong các điều kiện tại mục 1.1 nêu trên.

2. **Cách biểu quyết:** Chủ tịch đoàn sẽ điều hành việc biểu quyết thông qua từng vấn đề tại Đại hội. Cổ đông thực hiện biểu quyết thông qua bằng hình thức giơ **Thẻ biểu quyết** (màu vàng) và đánh dấu lựa chọn vào một trong ba ô vuông “Đồng ý”, “Không đồng ý” “Không có ý kiến” đối với các nội dung trình xin biểu quyết trong **Phiếu biểu quyết** (màu xanh).

3. **Kết quả biểu quyết:** các vấn đề được thông qua khi đạt số cổ phần có quyền biểu quyết tán thành của cổ đông tham dự họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, cụ thể:

Đạt **trên 50%** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành đối với các nội dung được trình trong Đại hội.



II. BẦU NHÂN SỰ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đại hội đồng cổ đông thực hiện bầu nhân sự Hội đồng quản trị theo danh sách ứng viên được lập phù hợp trình tự, thủ tục quy định của pháp luật hiện hành. Danh sách và thông tin ứng viên chi tiết như Tờ trình về nhân sự, các tài liệu gửi đến các cổ đông và công bố trên phương tiện thông tin theo quy định.

1. **Phiếu bầu:** mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với: tổng số cổ phần sở hữu nhân (x) với số lượng thành viên Hội đồng quản trị cần bầu tại Đại hội.

(ví dụ: Cổ đông A có 1000 cổ phần, Đại hội thực hiện bầu 03 thành viên Hội đồng quản trị, số phiếu bầu của cổ đông A sẽ là: Phiếu bầu nhân sự HĐQT bằng $1000 \text{ cp} \times 3 = 3000$ phiếu).

Phiếu bầu được Ban tổ chức chuẩn bị và gửi cùng Phiếu biểu quyết quy định tại Quy chế này.

2. **Cách thức bầu:** việc bầu nhân sự thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu. Cổ đông thực hiện bầu bằng một trong hai cách: (i) đánh dấu x vào ô của nhân sự được chọn, số phiếu bầu của cổ đông sẽ chia đều cho một hoặc một số ứng viên được cổ đông lựa chọn; hoặc (ii) cổ đông tự điền số phiếu của mình cho ứng viên mình lựa chọn.

3. **Xác định kết quả bầu cử:**

Căn cứ kết quả kiểm phiếu, ứng viên trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên Hội đồng quản trị cần bầu tại Đại hội lần này.

Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau theo cách thức bầu tại Quy chế này.

III. KIỂM PHIẾU VÀ CÔNG BỐ KẾT QUẢ

Phiếu biểu quyết và Bầu nhân sự được thu lại sau khi việc biểu quyết kết thúc theo chương trình Đại hội. Việc kiểm phiếu được thực hiện bởi các thành viên Ban kiểm phiếu do Đại hội thông qua.

Kết quả bầu cử được thể hiện trong Biên bản kiểm phiếu và công bố tại Đại hội. Các tài liệu liên quan được lưu trữ theo quy định hiện hành.

Trân trọng.

BAN KIỂM PHIẾU



Vũng Tàu, ngày 26 tháng 4 năm 2022

BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG NĂM 2021 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2022 CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2021

I. Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021

Năm 2021 mặc dù giá dầu thô có sự tăng trưởng, tuy nhiên tình hình công việc trong ngành dầu khí không có nhiều chuyển biến tích cực. Bên cạnh đó, diễn biến dịch Covid – 19 hết sức phức tạp và bùng phát mạnh tại Việt Nam đã gây ảnh hưởng không nhỏ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC (Công ty POS).

Các công việc, dự án Công ty POS triển khai trong năm 2021 đều phải đối diện với nhiều áp lực về tiến độ do dịch bệnh Covid – 19 và các quy định về giãn cách xã hội, gây phát sinh nhiều chi phí, thủ tục phức tạp.

Cùng với đó là các yếu tố, điều kiện cơ bản của môi trường kinh doanh không thuận lợi đã ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trên các phương diện: công tác phát triển dịch vụ tại nước ngoài gặp khó khăn do các chính sách ở nước sở tại; các thiết bị, phương tiện phục vụ xây lắp công trình biển và trên bờ còn thiếu gây ảnh hưởng đến năng lực cạnh tranh của Công ty; chính sách thuế nhà thầu còn nhiều bất lợi làm giảm ưu thế cạnh tranh so với nhà thầu phụ nước ngoài.

Nhận thấy được các khó khăn, thách thức, Hội đồng quản trị Công ty đã chỉ đạo Ban điều hành xây dựng các giải pháp cụ thể, tập trung và đạt được các kết quả như nêu sau đây.

1. Kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị

1.1. Về quản lý theo chức năng nhiệm vụ trong Điều lệ

Hội đồng quản trị hoạt động theo đúng Điều lệ, Luật Doanh nghiệp, các quy định của pháp luật, đã bám sát các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ), các nhiệm vụ, kế hoạch công tác đề ra và tình hình thực tế để chỉ đạo nghiêm túc các mặt hoạt động của Công ty. HĐQT thường xuyên theo dõi tình hình thực hiện các Nghị quyết/Quyết định đã ban hành, giám sát hoạt động của Công ty thông qua các báo cáo định kỳ của Giám đốc và các buổi làm việc trực tiếp của HĐQT với Giám đốc, các phòng chức năng.

Trong năm 2021, HĐQT đã tổ chức 04 cuộc họp trực tiếp và 11 đợt lấy ý kiến, ban hành tổng cộng 23 văn bản trong đó có 09 Nghị quyết và 14 Quyết định. Danh sách các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT như Phụ lục 1 đính kèm.

1.2. Về tình hình thực hiện kế hoạch hoạt động đã đề ra

Trên cơ sở kế hoạch hoạt động đã được ĐHĐCĐ phê duyệt, năm 2021 HĐQT đã triển khai thực hiện và hoàn thành hầu hết các nội dung đề ra, cụ thể như sau:

a. Chỉ đạo tổ chức thành công Đại hội cổ đông thường niên

HĐQT đã trực tiếp chỉ đạo triển khai công tác chuẩn bị, xây dựng tài liệu và tổ chức

thành công ĐHĐCD thường niên 2021 theo đúng quy định.

b. Chỉ đạo tổ chức triển khai các nội dung Nghị quyết ĐHĐCD của Công ty

- Thực hiện nội dung của Nghị quyết cuộc họp ĐHĐCD thường niên 2021, ngày 07/9/2021, HĐQT đã ban hành Nghị quyết số 10/NQ-LĐBD-HĐQT và thực hiện việc Chi trả cổ tức năm 2020 bằng tiền theo tỷ lệ thực hiện 15%/cổ phiếu. Quá trình chi trả cổ tức cho các Cổ đông đã được triển khai kịp thời, đảm bảo đúng quy định.

- Năm 2021 tổng doanh thu đạt được là 2.115,78 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế đạt được là 34,60 tỷ đồng, tương ứng đạt 145,45% và 103,65% so với kế hoạch năm, cụ thể như sau:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2020	Kế hoạch 2021	Thực hiện 2021	TH 2021/ KH 2021
1	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	400	400,00	400	100%
2	Doanh thu	Tỷ đồng	3,436.07	1.454,67	2.115,78	145,45%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	132,21	33,38	34,60	103,65%
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	101,55	26,70	25,65	96,07%
5	Tỷ suất LNST/Vốn điều lệ	%	25,39%	6,68%	6,41%	96,07%
6	Tỷ suất LNST/Vốn CSH	%	12,40%	3,63%	3,36%	92,56%
7	Thực hiện đầu tư	Tỷ đồng	26,65	92,90	10,21	10,99%

c. Công tác tổ chức nhân sự

Trong năm 2021, HĐQT đã chỉ đạo triển khai hoàn thành tốt công tác tổ chức nhân sự của Công ty, đảm bảo duy trì sự ổn định của bộ máy, tăng cường hiệu quả trong công tác chỉ đạo các mặt hoạt động, cụ thể như sau:

- HĐQT đã bổ nhiệm 01 Phó Giám đốc, 01 Kế toán trưởng; cho thôi giữ chức Phó Giám đốc đối với 02 cán bộ, thôi giữ chức Kế toán trưởng đối với 01 cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý của HĐQT.

Ngày 26/11/2021, HĐQT đã ban hành Nghị quyết số 11/NQ-LĐBD-HĐQT về việc Thông qua chủ trương tái cấu trúc Công ty với mục tiêu tinh gọn bộ máy quản lý, nâng cao hiệu quả quản trị, nâng cao năng lực hiện hữu để phù hợp với giai đoạn phát triển mới.

d. Công tác đầu tư

Căn cứ kế hoạch đầu tư đã được phê duyệt, HĐQT thực hiện giám sát chặt chẽ hoạt động đầu tư của Công ty, chỉ đầu tư khi chứng minh đảm bảo hiệu quả, thực hiện các công việc liên quan đến đầu tư đảm bảo tuân thủ Quy định hiện hành.

Kết quả thực hiện đầu tư năm 2021 của Công ty là 10,21 tỷ đồng, đạt 10,99% kế hoạch năm. Kết quả thực hiện chưa đạt kế hoạch là do một số dự án đầu tư mới năm 2021 được chuyển tiếp sang năm 2022 thực hiện tiếp như Tời khí nén 10T; Phần mềm Quản lý nhân sự, tiền lương; Thiết bị E&I phục vụ SCBD cho MV, LV, Switch gear, công trình dầu khí và công trình công nghiệp trên bờ; Thiết bị E&I phục vụ SCBD cho motor; Thiết bị E&I phục vụ BDSC cho hệ thống UPS; Thiết bị bảo dưỡng bơm, máy nén khí; Thiết bị hàn, cắt cáp quang; Thiết bị kéo căng bulong (Bolt Tensioning); Hệ thống, Thiết bị bảo hộ thở khí Oxy vào không gian kín 3 chế độ; Thiết bị nâng hạ phục vụ công tác vận chuyển thiết bị, vật tư; Hoán cải sà lan PTSC 01.

e. Chỉ đạo hoàn thiện hệ thống văn bản quản trị

Trong năm 2021, HĐQT đã chỉ đạo rà soát, cập nhật, sửa đổi các văn bản liên quan đến hệ thống quản lý để đảm bảo công tác quản trị tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật.

1.3. Các hoạt động khác

Ngoài hoạt động có trong kế hoạch năm, HĐQT thực hiện các nhiệm vụ thường xuyên thuộc thẩm quyền phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, như sau:

a. Công tác quan hệ với cổ đông, nhà đầu tư

HĐQT đã cung cấp đầy đủ thông tin về hoạt động của Công ty theo đúng quy định của pháp luật chứng khoán. Các Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, của HĐQT và các tài liệu liên quan khác đã được công bố đúng hạn đến cổ đông và nhà đầu tư quan tâm.

b. Các công tác thường xuyên

Ngoài các nhiệm vụ theo kế hoạch, HĐQT đã thực hiện những nhiệm vụ thường xuyên phù hợp với chức năng, nhiệm vụ theo Điều lệ và phát sinh thực tế trong quá trình hoạt động SXKD của Công ty.

1.4. Báo cáo về giao dịch giữa Công ty với thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty có liên quan của thành viên HĐQT.

Trong năm 2021 Công ty có 01 giao dịch với Người có liên quan của Thành viên HĐQT.

2. Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2021

2.1. Về hoạt động chung của Hội đồng quản trị

Năm 2021 là một năm đặc biệt khó khăn đối với Công ty POS khi triển vọng công việc trong ngành dầu khí không có dấu hiệu khả quan, cùng với đó là tình hình dịch bệnh Covid – 19 diễn biến hết sức phức tạp và bùng phát mạnh tại Việt Nam đã gây ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động SXKD của Công ty. Để đương đầu với những khó khăn, thách thức, HĐQT đã cùng với Ban Giám đốc nỗ lực trong công tác điều hành, chỉ đạo để cùng với toàn thể CBCNV Công ty quyết tâm khắc phục khó khăn, duy trì ổn định hoạt động SXKD nhằm đảm bảo thực hiện tốt các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra trong năm 2021.

Hội đồng quản trị đã thể hiện tốt vai trò chỉ đạo, giám sát hiệu quả công tác quản trị, tuân thủ pháp luật và Điều lệ hiện hành, thông tin được công khai minh bạch theo đúng chuẩn mực, tạo được lòng tin của các Cổ đông, Người lao động, Cơ quan quản lý nhà nước và khách hàng.

Trên cơ sở Kế hoạch công tác năm 2021, các nội dung ĐHĐCĐ giao và kết quả thực tế triển khai, HĐQT đánh giá các hoạt động của HĐQT trong năm 2021 là đúng thẩm quyền, giám sát, quản lý, hỗ trợ Ban điều hành, có sự phân công, phân cấp phù hợp và hiệu quả, đảm bảo xử lý kịp thời các vấn đề thuộc thẩm quyền.

Công tác tổ chức các cuộc họp của HĐQT, các đợt lấy ý kiến Thành viên HĐQT bằng văn bản đã được thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Các quyết định của HĐQT phù hợp thực tế tình hình SXKD và định hướng quan trọng hỗ trợ Ban Giám đốc trong quá trình điều hành; phối hợp tốt và tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, đoàn thể hoạt động.

HĐQT thường xuyên cung cấp đầy đủ các tài liệu, thông tin để Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành doanh nghiệp.

2.2. Hoạt động của các Thành viên Hội đồng quản trị

Trong năm 2021, các Thành viên HĐQT đã tích cực hoạt động theo chức năng nhiệm vụ đã được phân công, tham gia đầy đủ và có ý kiến biểu quyết đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT, cụ thể như sau:

a. Ông Nguyễn Tiên Phong – Chủ tịch HĐQT:

- Chịu trách nhiệm chung trong công tác của HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty;
- Thay mặt HĐQT ký các nghị quyết, quyết định và các văn bản thuộc thẩm quyền của HĐQT;
- Chỉ đạo, hỗ trợ, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ được phân công của các thành viên HĐQT;
- Phụ trách kiểm tra, giám sát lĩnh vực kế hoạch SXKD, đầu tư phương tiện trang thiết bị, xây dựng cơ bản;
- Phụ trách lĩnh vực thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các khoản đầu tư dài hạn;
- Chỉ đạo thực hiện các yêu cầu, hướng dẫn từ Tổng công ty PTSC về các vấn đề liên quan đến kế hoạch SXKD, đầu tư;
- Ký duyệt các báo cáo, công văn, tờ trình... gửi Tổng công ty PTSC;
- Phụ trách các công việc không phân công cho các thành viên HĐQT khác.

b. Ông Dương Hùng Văn – thành viên HĐQT, Giám đốc:

- Theo dõi, đôn đốc việc tổ chức thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT;
- Phụ trách các hợp đồng giao dịch thuộc thẩm quyền HĐQT;
- Công tác bổ nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, quyết định mức lương và các chế độ khác của các cán bộ quản lý theo các Quy định của Công ty;
- Phụ trách công tác đối ngoại, hợp tác kinh doanh, làm việc với các nhà đầu tư, khách hàng hoặc đối tác có nhu cầu tìm hiểu về Công ty.
- Triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh, giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị ứng dụng khoa học kỹ thuật công nghệ;
- Phụ trách lĩnh vực thế chấp, cầm cố tài sản của Công ty;
- Phụ trách lĩnh vực tài chính, kế toán, thu xếp vốn cho các dự án của Công ty, quan hệ với các định chế tài chính, công tác kiểm toán của Công ty;
- Chỉ đạo thực hiện các yêu cầu, hướng dẫn từ Tổng công ty PTSC về các vấn đề liên quan đến hoạt động SXKD, tài chính, kế toán.

c. Ông Vũ Chi Viện – thành viên HĐQT:

- Công tác đoàn thể, những vấn đề liên quan đến các tổ chức chính trị - xã hội;
- Các vấn đề liên quan đến người lao động;
- Công tác xây dựng/sửa đổi và ban hành các Quy chế, Quy định quản lý nội bộ;
- Công tác giao dịch, cung cấp, thu thập thông tin của các cổ đông;
- Theo dõi, giám sát việc thực hiện, tuân thủ các tiêu chuẩn quản trị doanh nghiệp;
- Công bố thông tin liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán;

d. Ông Nguyễn Tuấn – thành viên HĐQT:

- Phụ trách các công việc theo phân công của Chủ tịch HĐQT;
- Chỉ đạo, giám sát thực hiện các yêu cầu, hướng dẫn từ Tổng công ty PTSC về các vấn đề liên quan đến kế hoạch SXKD, đầu tư;
- Đảm bảo hoạt động của công ty tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty;
- Công tác xây dựng và ban hành các quy chế/quy định quản lý nội bộ.

e. Ông Nguyễn Thế Hoàng – thành viên HĐQT:

- Với vai trò là một người đại diện vốn của ngân hàng Oceanbank tại Công ty, ông Nguyễn Thế Hoàng đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, cho ý kiến kịp thời và đưa ra những kiến nghị nằm trong quyền hạn được giao.

2.3. Thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT năm 2021

a. Thù lao của HĐQT năm 2021

Đối với Chủ tịch HĐQT mức thù lao là 5 triệu đồng/người/tháng.

Đối với các thành viên HĐQT mức thù lao là 3 triệu đồng/người/tháng.

Đối với thành viên HĐQT chuyên trách thì áp dụng chế độ trả lương theo quy định tại quy chế lương của Công ty.

Chi tiết thù lao năm 2021 của HĐQT như Phụ lục 2 đính kèm.

b. Chi phí hoạt động của HĐQT năm 2021

Tuân thủ theo Quy chế hoạt động của HĐQT và Quy chế tài chính, Định mức chi tiêu nội bộ của Công ty.

II. Công tác giám sát hoạt động của Ban Giám đốc

HĐQT đánh giá cao sự cố gắng, năng lực và tinh thần trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc đổi mới và khắc phục tốt với những khó khăn trong năm 2021 để điều hành Công ty theo đúng định hướng, chỉ đạo của HĐQT, đạt được kết quả khả quan, thể hiện ở các mặt sau:

- Ban điều hành đã lãnh đạo, chỉ đạo đúng đắn và quyết liệt triển khai các quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT, bám sát thực tiễn diễn biến thị trường góp phần nâng cao hiệu quả SXKD; chủ động xây dựng và đề xuất các phương án xử lý vấn đề khó khăn, tồn tại của các công việc, dự án thuộc thẩm quyền HĐQT quyết định, góp phần giảm thiểu rủi ro, đảm bảo quyền và lợi ích của Công ty;
- Quản lý, điều hành các mặt hoạt động theo đúng chức trách, nhiệm vụ được giao; có sự phân công, phân cấp rõ ràng và linh hoạt giữa các cấp quản lý;
- Sử dụng hiệu quả và cân đối hợp lý nguồn lực hiện có, quyết liệt cắt giảm chi phí để giảm giá thành đi đôi với duy trì chất lượng sản phẩm dịch vụ ổn định, nâng cao sức cạnh tranh, giữ thị phần và đảm bảo các lợi ích lâu dài của Công ty.
- Phát huy tốt sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, nâng cấp hệ thống quản lý, ứng dụng khoa học công nghệ vào trong quản lý, sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh;
- Công tác hạch toán kế toán và quản lý tài chính phù hợp chuẩn mực, minh bạch theo quy định pháp luật; đảm bảo nguyên tắc bảo toàn và phát triển vốn; quyết liệt xử lý nợ xấu, nợ phải thu khó đòi;
- Tích cực phát triển kinh doanh ngoài nước, ngoài ngành để bù đắp sự thiếu hụt công việc do giá dầu thấp nhưng vẫn đảm bảo triển khai an toàn, hiệu quả, chất lượng, đúng tiến độ các dự án trong nước đã được giao thầu với mức độ phức tạp cao, điều kiện triển khai công việc tiềm ẩn nhiều rủi ro;
- Công tác đào tạo, tự đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực triển khai có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng;
- Duy trì mặt bằng tiền lương và chính sách đãi ngộ, khen thưởng hợp lý, nâng kỳ luật, tạo môi trường chuyên nghiệp của người lao động.

B. NHIỆM VỤ VÀ KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI TRONG NĂM 2022

I. Hội đồng quản trị Công ty POS đề ra một số nhiệm vụ chủ yếu năm 2022 như sau:

- Cùng với Ban điều hành tổ chức thực hiện thành công các chỉ tiêu Kế hoạch năm 2022 và các nội dung được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt phù hợp chiến lược phát triển của Công ty.
- Thực hiện tốt công tác tài chính, đảm bảo tình hình tài chính, vốn, dòng tiền tốt, ổn định, lành mạnh; sử dụng hiệu quả nguồn vốn, bảo toàn và phát triển vốn của Công ty.
- Cải tiến hệ thống quản trị: rà soát, cập nhật, sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định nội bộ phù hợp với quy định pháp luật và tình hình hoạt động SXKD của Công ty.
- Giữ vững và tiếp tục đẩy mạnh các dịch vụ thế mạnh của Công ty. Bên cạnh đó, chỉ đạo các bộ phận liên quan tăng cường công tác phát triển kinh doanh, phát triển thị trường trong và ngoài nước, thị trường ngoài ngành dầu khí; thực hiện tốt công tác hợp tác, phát triển uy tín, thương hiệu;
- Thực hiện đánh giá, giám sát đối với các dự án đầu tư, dự án kinh doanh thuộc thẩm quyền HĐQT quyết định; phê duyệt danh mục kế hoạch đầu tư phù hợp, đảm bảo hoàn thành công tác đầu tư theo các mục tiêu kế hoạch đề ra.
- Đảm bảo quyền lợi hợp pháp của các Cổ đông, đối xử công bằng giữa các Cổ đông, đảm bảo vai trò của những người có quyền lợi liên quan đến Công ty.
- Triển khai công tác công bố thông tin một cách rộng rãi, đảm bảo các thông tin được công bố phải chính xác, tuân thủ đúng quy định của Pháp luật nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các cổ đông và các nhà đầu tư trong quá trình tiếp cận, tìm hiểu thông tin về các hoạt động của Công ty.
- Thực hiện các nhiệm vụ thường xuyên của HĐQT Công ty phù hợp với chức năng, nhiệm vụ theo Điều lệ và phát sinh thực tế trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

II. Các chỉ tiêu kế hoạch tài chính trong năm 2022:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2022
1	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	400
2	Doanh thu	Tỷ đồng	1.700
3	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Tỷ đồng	35
4	Lợi nhuận thực hiện sau thuế TNDN	Tỷ đồng	28
7	Tỷ suất lợi nhuận ST/Vốn điều lệ	%	7%
8	Thực hiện đầu tư	Tỷ đồng	144,74

Trên đây là báo cáo tóm tắt tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021 và phương hướng hoạt động năm 2022.

Kính trình Đại hội xem xét thông qua.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT, BKS; Ban GD,
- Website Công ty;
- Lưu: VT, Thư ký HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tiên Phong

Phụ lục 1:
Danh mục các Nghị quyết, Quyết định được HĐQT ban hành trong năm 2021

STT	Ngày ban hành	Số hiệu văn bản	Nội dung
1.	07/01/2021	01/NQ-LĐBD-HĐQT	Nghị quyết vv Điều chỉnh, bổ sung KH SXKD năm 2020
2.	17/02/2021	02/NQ-LĐBD-HĐQT	Nghị quyết vv Phê duyệt phương án thưởng KH SXKD 2020 từ Quỹ thưởng Ban điều hành
3.	05/03/2021	03/NQ-LĐBD-HĐQT	Nghị quyết vv Thông qua kế hoạch tổ chức cuộc họp ĐHCĐ thường niên 2021
4.	16/03/2021	090/QĐ-LĐBD-HĐQT	Quyết định vv Thôi giữ chức vụ PGĐ đối với ông Nguyễn Văn Điệp
5.	16/03/2021	091/QĐ-LĐBD-HĐQT	Quyết định vv Thôi giữ chức vụ PGĐ đối với ông Vũ Chi Viện
6.	18/03/2021	096/QĐ-LĐBD-HĐQT	Quyết định vv Ban hành Quy chế quản lý nợ của Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình dầu khí biển PTSC
7.	18/03/2021	097/QĐ-LĐBD-HĐQT	Quyết định vv Kện toàn chức năng, nhiệm vụ phòng Kỹ thuật
8.	18/03/2021	098/QĐ-LĐBD-HĐQT	Quyết định vv Kện toàn chức năng, nhiệm vụ phòng Dự án và Hàng hải
9.	06/04/2021	04/NQ-LĐBD-HĐQT	Nghị quyết vv Thông qua nội dung Dự thảo Tài liệu trình ĐHCĐ thường niên 2021
10.	15/04/2021	136/QĐ-LĐBD-HĐQT	Quyết định vv Bổ nhiệm cán bộ (Bổ nhiệm Phó Giám đốc)
11.	15/04/2021	137/QĐ-LĐBD-HĐQT	Quyết định vv Xếp lương đối với ông Vũ Đình Cao Sơn
12.	20/04/2021	05/NQ-LĐBD-HĐQT	Nghị quyết vv Phê duyệt KH SXKD năm 2021 của Công ty CP Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC
13.	29/04/2021	08/NQ-LĐBD-HĐQT	Nghị quyết vv Ban hành Điều lệ Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình dầu khí biển PTSC
14.	29/04/2021	09/NQ-LĐBD-HĐQT	Nghị quyết vv Ban hành Quy chế Quản trị nội bộ Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình dầu khí biển PTSC
15.	29/04/2021	159/QĐ-LĐBD-HĐQT	Quyết định vv Ban hành Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình dầu khí biển PTSC
16.	15/07/2021	267/QĐ-LĐBD-HĐQT	Quyết định vv Thôi giữ chức vụ Kế toán trưởng đối với ông Nguyễn Minh Ngọc
17.	15/07/2021	268/QĐ-LĐBD-HĐQT	Quyết định vv Bổ nhiệm cán bộ (Bổ nhiệm Kế toán trưởng)
18.	15/07/2021	269/QĐ-LĐBD-HĐQT	Quyết định vv Xếp lương đối với ông Hoàng

			Văn Duy
19.	26/07/2021	274/QĐ-LĐBD-HĐQT	Quyết định vv Phê duyệt đơn vị cung cấp dịch vụ soát xét/kiểm toán Báo cáo tài chính
20.	07/09/2021	10/NQ-LĐBD-HĐQT	Nghị quyết vv Chi trả cổ tức năm 2020
21.	13/10/2021	364/QĐ-LĐBD-HĐQT	Quyết định vv Kiện toàn cơ cấu tổ chức và chức năng nhiệm vụ Phòng Kế hoạch Đầu tư
22.	13/10/2021	365/QĐ-LĐBD-HĐQT	Quyết định vv Kiện toàn cơ cấu tổ chức và chức năng nhiệm vụ Xưởng Cơ khí Bảo dưỡng
23.	26/11/2021	11/NQ-LĐBD-HĐQT	Nghị quyết vv Thông qua chủ trương tái cấu trúc Công ty

Thù lao và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị năm 2021



STT	Họ và tên	Chức danh	Thời gian làm việc		Thù lao và lợi ích khác trước thuế (VNĐ)
1.	Nguyễn Tiên Phong	Chủ tịch HĐQT	01/01/2021	31/12/2021	192.000.000
2.	Dương Hùng Văn	TV HĐQT/ Giám đốc	01/01/2021	31/12/2021	1.146.543.000
3.	Vũ Chi Viện	TV HĐQT	01/01/2021	31/12/2021	405.813.000
4.	Nguyễn Tuấn	TV HĐQT	01/01/2021	31/12/2021	121.000.000
5.	Nguyễn Thế Hoàng (Thù lao được chi trả cho ngân hàng Oceanbank)	TV HĐQT	01/01/2021	31/12/2021	121.000.000
Tổng cộng					1.986.356.000

Vũng Tàu, ngày tháng năm 2022

**BÁO CÁO SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021 VÀ
KẾ HOẠCH NĂM 2022 CỦA BAN ĐIỀU HÀNH**

PHẦN THỨ NHẤT

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

1. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu đạt được trong năm 2021:

Năm 2021 Công ty POS đạt tổng doanh thu là 2.115,78 tỷ VNĐ, Lợi nhuận trước thuế đạt 34,60 tỷ VNĐ. Một số chỉ tiêu chủ yếu được ghi nhận tại Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán Deloitte như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2021	Thực hiện 2021	TH 2021/ KH 2021
1	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	400,00	400,00	100,00%
+	Vốn điều lệ bình quân năm	Tỷ đồng	400,00	400,00	100,00%
2	Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	1.454,67	2.115,78	145,45%
3	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Tỷ đồng	33,38	34,60	103,65%
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tỷ đồng	26,70	25,65	96,07%
5	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ VCSH	%	3,63%	3,36%	92,56%
6	Lợi nhuận được phân phối	Tỷ đồng	54,70	53,65	98,08%

So sánh với kết quả các năm trước:

Đơn vị: tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	TH năm 2020	KH năm 2021	TH năm 2021	Tỷ lệ % so với	
					TH năm 2020	KH năm 2021 (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(3)	(7)=(5)/(4)
1	Doanh thu	3.436,07	1.454,67	2.115,78	62%	145%
2	Lợi nhuận sau thuế	101,55	26,70	25,65	25%	96%
3	Nộp NSNN	154,40	56,08	64,14	42%	114%
4	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng doanh thu (%)	2,96%	1,84%	1,21%	41%	66%
5	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn điều lệ (%)	25,39%	6,68%	6,41%	25%	96%
6	Thu nhập BQ không tính khối O&M (triệu đồng/tháng)	36,50	28,00	28,97	79%	103%

2. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021

➤ Căn cứ xây dựng phương án phân phối:

Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 được xây dựng trên cơ sở Nghị quyết số 06/NQ-LĐBD-ĐHĐCĐ được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông Công ty tổ chức vào ngày 27/4/2021.

➤ Căn cứ vào tình hình tài chính, kết quả sản xuất kinh doanh đạt được trong năm 2021. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 được xây dựng trình Đại hội theo nguyên tắc: Căn cứ Nghị quyết nói trên; Đảm bảo trích lập các quỹ theo qui định của Điều lệ Công ty. Chi tiết phân chia lợi nhuận năm 2021 như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2021	Thực hiện 2021
1	Lợi nhuận được phân phối (*)	Tỷ đồng	54,70	53,65
2	Chia cổ tức	Tỷ đồng	44,00	28,00
+	Tỷ lệ chia cổ tức (%/ Vốn điều lệ)	%	11%	7%
3	Quỹ đầu tư và phát triển	Tỷ đồng		
4	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Tỷ đồng	10,40	12,90
5	Quỹ thưởng ban điều hành	Tỷ đồng	0,30	0,50
6	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối	Tỷ đồng		12,25

* Lợi nhuận được phân phối (53,65 tỷ đồng): bao gồm lợi nhuận năm 2021: 25,65 tỷ đồng và lợi nhuận chưa phân phối năm 2020: 28 tỷ đồng.

3. Tình hình thực hiện các dịch vụ chủ yếu của Công ty:

3.1. Dịch vụ Xây lắp hàng hải: Là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, trong năm 2021 mặc dù có rất nhiều khó khăn nhưng Công ty POS đã bằng mọi nỗ lực chủ động tiếp xúc với các khách hàng, đối tác để tìm kiếm và tham gia cung cấp dịch vụ dự án xây lắp hàng hải. Công ty POS đã hoàn thành các dự án Gallaf giai đoạn 2, Tháo tách giàn ĐH, NCS2 giai đoạn 2, Điện gió Hòa Bình 5, Điện gió Tân Thuận, và tiếp tục triển khai dự án tháo dỡ đường ống tại Thái Lan cho khách hàng Chevron. Kết quả doanh thu từ dịch vụ xây lắp hàng hải năm 2021 là 1.365,69 tỷ đồng chiếm 64,55% tổng doanh thu của Công ty (2.115,78 tỷ VNĐ).

3.2. Dịch vụ Xây lắp Công nghiệp: Công ty POS tiếp tục triển khai dự án Long Sơn. Doanh thu của dịch vụ này trong năm 2021 đạt 434,88 tỷ đồng chiếm 20,55% tổng doanh thu của công ty (2.115,78 tỷ VNĐ).

3.3. Dịch vụ cung ứng nhân lực, dịch vụ vận hành và bảo dưỡng các công trình đầu khí (O&M): Dịch vụ này là mảng dịch vụ có nguồn doanh thu đều đặn và ổn định lâu dài. Doanh thu từ dịch vụ O&M năm 2021 là 293,55 tỷ VNĐ, chiếm 13,87% tổng doanh thu của Công ty (2.115,78 tỷ VNĐ). Tình hình thực hiện dịch vụ O&M trong năm 2021 cụ thể như sau:

TT	Tên Dịch vụ O&M	Nội dung thực hiện	Kết quả
1	Các Hợp đồng bảo dưỡng cho các Khách hàng	Triển khai thực hiện tốt dịch vụ O&M đáp ứng yêu cầu của các khách hàng như BDPOC, CLJOC, PVEP POC, TLJOC	Thực hiện liên tục trong năm, đảm bảo đáp ứng yêu cầu của Khách hàng

TT	Tên Dịch vụ O&M	Nội dung thực hiện	Kết quả
2	Hợp đồng cung cấp nhân lực dài hạn	Cung cấp nhân lực theo HĐ dài hạn cho các khách hàng JVPC (79 nhân sự O&M trực tiếp vận hành giàn Rạng Đông); KNOC (54 nhân sự trực tiếp vận hành giàn Rồng Đồi); TNK (01 nhân sự cho giàn Lan Tây); PVEP POC (03 nhân sự làm việc trên giàn SDA)	Thực hiện liên tục trong năm, đảm bảo đáp ứng yêu cầu của Khách hàng
3	Hợp đồng cung cấp nhân lực ngắn hạn	Trong năm 2021 POS đã cung cấp 2.168 lượt nhân sự tham gia dịch vụ ngắn hạn (655.458 man hours) cho các khách hàng BDPOC, CLJOC, TLJOC, PETRONAS, ROFNEFT, KNOC, PTSC Thanh Hóa, và cho các dự án GALLAF, LSP-A1, SVDN ... của Công ty POS.	Thực hiện liên tục trong năm, đảm bảo đáp ứng yêu cầu của Khách hàng

3.4. Dịch vụ cho thuê sà lan nhà ở và sà lan vận chuyển:

a. **Sà lan nhà ở PTSC Offshore 1:** Trong năm 2021, số ngày làm việc của POS1 đạt 114 ngày. POS1 đã hoàn thành các công tác, công việc của các dự án như sau:

TT	Tên dự án POS1 thực hiện	Ngày bắt đầu dự án	Ngày kết thúc dự án	Số ngày huy động	Ghi chú
1	<i>SVDN Pipeline</i>	14/5/2021	15/6/2021	33	
2	<i>Cho Khách hàng Asian Kaliber thuê</i>	23/9/2021	12/12/2021	81	
Tổng số ngày khai thác				114	

b. **Sà lan vận chuyển PTSC 01:** Số ngày làm việc của PTSC 01 trong năm 2021 đạt 322 ngày. PTSC 01 đã hoàn thành các công tác, công việc của các dự án cụ thể như sau:

TT	Tên dự án PTSC 01 thực hiện	Ngày bắt đầu dự án	Ngày kết thúc dự án	Số ngày huy động	Ghi chú
1	<i>Cho Khách hàng Sapura thuê</i>	01/01/2021	18/11/2021	322	
Tổng số ngày khai thác				322	

4. Tình hình thực hiện công tác đầu tư và xây dựng:

4.1. Công tác đầu tư thiết bị:

a. Các gói đầu tư năm 2021: Đã hoàn thành công tác đầu tư 10 Gói: Thiết bị đo Cảm biến lực (Loadcell 30T)/ Máy rửa áp lực cao chạy khí và Bom nước hỏa tiễn/ Phần mềm Quản lý Thiết kế Bản vẽ Thi công Đường ống/ Thiết bị đo lường, kiểm tra, chạy thử/ Thiết bị uốn, cắt cáp điện và Máy ép đầu cốt thủy lực chạy pin/ Máy bắn cát phun sơn/ Xe cẩu thùng 12T/ Máy cắt ống dạng từ/ Máy phát điện 80kVA/ Thiết bị đục lỗ thủy lực và siết bulong chạy khí. Tiếp tục triển khai các dự án chuyển tiếp từ 2021 như Tời khí nén 10T/ Phần mềm Quản lý nhân sự, tiền lương/ Thiết bị E&I phục vụ SCBD cho MV, LV, Switch gear, công trình dầu khí và công trình công nghiệp trên bờ/ Thiết bị E&I phục vụ SCBD cho motor/ Thiết bị E&I phục vụ BDSC cho hệ thống UPS/ Thiết bị bảo dưỡng bơm, máy nén khí/ Thiết bị hàn, cắt cáp quang/ Thiết bị kéo căng bulong (Bolt

Tensioning)/ Hệ thống, Thiết bị bảo hộ thở khí Oxy vào không gian kín 3 chế độ/ Thiết bị nâng hạ phục vụ công tác vận chuyển thiết bị, vật tư / Hoán cải sàn lan PTSC 01. Giá trị giải ngân công tác đầu tư trong năm 2021 là 10,21 tỷ đồng.

4.2. Công tác Xây dựng: Hoàn thành sửa chữa một số hạng mục tại Xưởng CKBD và một số hạng mục khác tại Nhà Văn phòng Công ty năm 2021. Chi phí sửa chữa xây dựng là 0,23 tỷ đồng.

5. Tình hình thực hiện công tác tổ chức nhân sự, đào tạo và tiền lương

5.1. Công tác tổ chức nhân sự:

Trong năm 2021, được sự phê chuẩn Hội đồng quản trị, nhằm đáp ứng yêu cầu của hoạt động SXKD của đơn vị, Công ty đã kiện toàn cơ cấu các phòng ban cụ thể như sau:

- Công ty đã tiếp nhận và bổ nhiệm mới 01 Phó Giám đốc và 01 Kế toán trưởng; bổ nhiệm mới 02 Phó phòng, bổ nhiệm lại 11 Phó phòng. Công ty đã hoàn thiện thủ tục thôi giữ chức vụ 02 Phó Giám đốc, thôi giữ chức vụ và điều động giao nhiệm vụ mới 02 Phó phòng. Bên cạnh đó, Công ty cũng đã hoàn thiện và gửi hồ sơ lên Tổng công ty PTSC để xem xét, bổ nhiệm lại 01 Phó Giám đốc. Công ty đã bổ nhiệm 04 Tổ trưởng và 04 Tổ phó thuộc các phòng chức năng của Công ty.

5.2. Công tác tuyển dụng: Trong năm 2021, Công ty POS tuyển dụng mới 04 nhân sự, tiến hành thủ tục chấm dứt hợp đồng lao động với 38 nhân sự theo nguyện vọng của người lao động. Tính từ đầu năm 2022 đến thời điểm hiện tại đã có 13 người nghỉ việc & đã tuyển dụng 01 người.

5.3. Công tác đào tạo: Đào tạo chuyên môn nghiệp vụ cho người lao động tính đến ngày 31/12/2021, hoạt động đào tạo của Công ty POS đã được thực hiện như sau: Số lượt người đã đào tạo/ Kế hoạch được phê duyệt: 974/835 đạt 117 % kế hoạch; Số khóa đào tạo đã tổ chức: 50/25 khóa, đạt 200% Kế hoạch; Số lượt người được đào tạo nội bộ bởi chính CBCNV của Công ty là 90 lượt người.

5.4. Công tác Lao động tiền lương, chế độ chính sách: Các số liệu thống kê thu nhập năm 2021 như sau:

TT	Nội dung	Năm 2020	Năm 2021	So với năm 2020
1	Thu nhập BQ NLD hưởng lương chính sách nhà thầu (đồng/tháng)	95.787.000	98.805.000	103%
2	Thu nhập BQ NLD hưởng lương theo quy chế tiền lương Công ty khối lao động nghiệp vụ văn phòng (đồng/tháng)	26.457.000	20.283.000	77%
3	Thu nhập BQ NLD hưởng lương theo quy chế tiền lương Công ty khối lao động tham gia dự án (đồng/tháng)	38.349.000	30.509.000	80%
4	Thu nhập thấp nhất (đồng/tháng)	8.200.000	7.800.000	95%

Thực hiện việc mua sắm trang thiết bị văn phòng và mua sắm khác theo đúng các quy trình mua sắm và quy định hiện hành của Công ty và Tổng Công ty.

6. Tình hình thực hiện công tác quản lý hệ thống, an toàn chất lượng vệ sinh môi trường:

Là đơn vị hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ dầu khí có xác suất rủi ro cao và với những yêu cầu khắt khe của khách hàng quốc tế về chất lượng, an toàn, sức khỏe và môi trường (CL-ATSKMT), Công ty luôn ưu tiên hàng đầu trong công tác quản lý an toàn cùng với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Công ty liên tục thực hiện khắc phục các điểm không phù hợp được phát hiện trong các đợt đánh giá nội bộ, bên ngoài, thường xuyên rà soát và hoàn thiện các tài liệu quản lý CL-ATSKMT phù hợp với hoạt động SXKD thực tế; Tiếp tục triển khai và duy trì hiệu quả các hệ thống quản lý của Công ty phù hợp với tiêu chuẩn ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO 45001:2018, ISO/IEC 17025:2017, hệ thống quản lý an toàn cho sà lan nhà ở theo Bộ luật ISM, hệ thống an ninh theo bộ luật ISPS, chứng nhận hệ thống theo Công ước lao động hàng hải MLC 2006 cho sà lan nhà ở PTSC Offshore 1, chứng nhận đáp ứng yêu cầu Tiêu chuẩn ASME về quản lý, thiết kế, chế tạo, kiểm tra lò hơi, bình, bồn chịu áp lực.

Trong năm 2021, Công ty thực hiện công tác SXKD (*Điển hình là các dự án trong và ngoài nước như Dự án Long Sơn, CVX- DSV, SVDN Pipeline, DGHB-05, Điện gió Viên An, Rải cáp ngầm Tân Thuận, AI Shaheen giai đoạn 02, ... và các dự án O&M cho các khách hàng BDPOC, PCVL, CLJOC, KNOC....*) đảm bảo an toàn không để xảy ra sự cố mất thời gian làm việc (LTI=0), không có tai nạn cháy nổ cũng như tai nạn hay thiệt hại về con người. Các chỉ tiêu về an toàn, sức khỏe và môi trường đều đạt yêu cầu so với quy định của Công ty, khách hàng và pháp luật.

Kể từ khi thành lập đến nay, Công ty POS đạt được hơn 29 triệu giờ làm việc an toàn không để xảy ra sự cố mất thời gian làm việc (LTI).

PHẦN II

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CHUNG

1. Thuận lợi:

Công ty POS tiếp tục nhận được sự quan tâm chỉ đạo sát sao và hỗ trợ mạnh mẽ của Đảng ủy, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty, sự hợp tác giúp đỡ của các Đơn vị bạn.

Tập thể lãnh đạo của Công ty POS đoàn kết, đội ngũ CBCNV nhiệt huyết, năng động, sáng tạo, có trình độ chuyên môn và tinh thần làm việc có trách nhiệm cao.

Kinh nghiệm thực tiễn được đúc rút trong quá trình thực hiện các dự án từ các năm trước đây cũng là một lợi thế để Công ty triển khai thành công các dự án trong năm 2022.

2. Khó khăn:

Tình hình dịch bệnh Covid-19 năm 2022 vẫn còn nhiều diễn biến phức tạp trên Thế giới và tại Việt Nam.

Dự báo giá dầu năm 2022 vẫn còn biến động khó lường, các dự án xây lắp công trình biển trong nước vẫn tiếp tục giãn dưng và chưa có kế hoạch triển khai cụ thể.

Công tác phát triển dịch vụ Dầu khí tại thị trường nước ngoài cũng là một thách thức, khó khăn rất lớn đối với Công ty POS như: Các chính sách bảo hộ của nước chủ nhà, công tác hậu cần, các vấn đề về chế độ chính sách khi đưa người lao động làm việc tại nước ngoài...

Các thiết bị, phương tiện phục vụ xây lắp công trình biển vẫn còn thiếu ảnh hưởng không nhỏ đến khả năng cạnh tranh của Công ty POS.

Nguồn nhân lực về quản lý, kỹ thuật liên quan đến công tác SXKD đôi khi còn thiếu, chưa thực sự đáp ứng được hoàn toàn yêu cầu của công việc.

Chính sách thuế nhà thầu (Thuế GTGT + thuế TNDN nhà thầu) còn nhiều bất cập, dẫn đến Công ty POS không có lợi thế cạnh tranh đối với nhà thầu phụ nước ngoài khi tham gia đấu thầu trong nước.

II. CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH CỤ THỂ NĂM 2022

Các chỉ tiêu kế hoạch cụ thể năm 2022 như sau:

	CÁC CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2022
I	Các chỉ tiêu tài chính		
1	Vốn chủ sở hữu		
+	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	400,00
+	Trong đó, tỷ lệ tham gia của PTSC	%	84,95
2	Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	1.700,00
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	35,00
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	28,00
5	Thuế và các khoản phải nộp NSNN	Tỷ đồng	57,00
II	Các dự án chuẩn bị đầu tư		
	Nội tệ	Tỷ đồng	144,74
	Ngoại tệ	Tr USD	0,00

III. MỤC TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022

Phát huy những thành tích đã đạt được trong năm 2021, khắc phục những khó khăn tồn tại nêu trên, Công ty xác định mục tiêu hoạt động năm 2022 như sau:

1. Phần đầu hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu chủ yếu sau:
 - Doanh thu **1.700,00 tỷ VNĐ**
 - Lợi nhuận trước thuế: **35,00 tỷ VNĐ**
 - Nộp Ngân sách nhà nước: **57,00 tỷ VNĐ**
2. Tập trung tối đa nguồn lực phục vụ sản xuất kinh doanh để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2022; đảm bảo hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn, tạo tiền đề cho sự phát triển của POS trong những năm tiếp theo. Tuân thủ đúng các Quy định hiện hành trong mọi hoạt động của Công ty.
3. Tiếp tục triển khai an toàn chất lượng, đúng tiến độ và hiệu quả các dự án đang triển khai, đồng thời thực hiện tốt các công tác chuẩn bị để tham gia đấu thầu các dự án tiềm năng trong năm 2022 và những năm tiếp theo. Tổ chức thực hiện tốt dịch vụ vận hành và bảo dưỡng (O&M) các công trình dầu khí biển, đáp ứng yêu cầu của các nhà thầu dầu khí như BDPOC, NCS, CLJOC, JVPC, KNOC, TNK, CLJOC, PVEP POC... Giữ vững thị phần dịch vụ cung ứng lao động khai thác dầu khí cho các khách hàng truyền thống như JVPC, KNOC, CLJOC...
4. Quản lý, khai thác an toàn, hiệu quả Sà lan nhà ở 300 chỗ (POS 1) và Sà lan vận chuyển 5000 tấn (PTSC 01). Đẩy mạnh công tác Marketing tìm kiếm và mở rộng thị trường dịch vụ.
5. Thực hiện tốt công tác duy tu, sửa chữa, bảo dưỡng các công trình, phương tiện, trang thiết bị phục vụ SXKD tại Đơn vị. Triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ đầu tư theo kế hoạch được phê duyệt. Tăng cường kiểm tra, giám sát, quản lý chặt chẽ tiến độ, chi phí các dự án đầu tư nhằm đảm bảo nhanh chóng hoàn thành đầu tư và sớm đưa vào khai thác sử dụng, nâng cao hiệu quả SXKD.
6. Rà soát, điều chỉnh, bổ sung xây dựng mới Hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật tại Đơn vị, cải tiến quá trình làm việc, thực hiện triệt để các Chỉ thị, văn bản hướng dẫn, chỉ đạo của Tập đoàn, Tổng công ty về công tác thực hành tiết kiệm chống lãng phí và tiết giảm tối đa các chi phí hoạt động trong năm 2022 nhằm đảm bảo nâng cao hiệu quả quản lý trong các hoạt động SXKD dịch vụ và tăng khả năng cạnh tranh của Đơn vị khi cung cấp sản phẩm, dịch vụ cho khách hàng.
7. Hoàn thiện hệ thống quy định quản lý nội bộ; bộ máy tổ chức quản lý, điều hành của Đơn vị, phát huy tính độc lập, tự chủ, năng động và kỷ luật trong giai đoạn phát triển mới. Tiếp tục duy trì hiệu lực của các tiêu chuẩn mới ISO 45001: 2018, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO/IEC 17025, ISM code, ISPS code, MLC 2006, và tiêu chuẩn ASME. Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học, cải tiến, phát huy sáng kiến trong sản xuất và ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý và sản xuất.
8. Tiếp tục phát triển nguồn nhân lực, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công nhân lao động về chuyên môn, nghiệp vụ, an toàn, ngoại ngữ nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ SXKD dịch vụ. Ngoài ra, thực hiện chủ trương chung của Tổng công ty và theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 11/NQ-LĐBD-HĐQT ban hành ngày 26/11/2021 về việc thông qua chủ trương tái cấu trúc Công ty với mục tiêu tinh gọn bộ máy quản lý, nâng cao hiệu quả quản trị, nâng cao năng lực hiện hữu và mở rộng các dịch vụ mới để phù hợp với giai đoạn phát triển mới.

9. Thực hiện khen thưởng kịp thời, tăng cường kỷ luật; đảm bảo các chế độ, chính sách để người lao động an tâm công tác. Phát huy vai trò của các tổ chức chính trị xã hội trong việc duy trì và phát triển các giá trị văn hóa doanh nghiệp PTSC, đoàn kết, năng động, sáng tạo và chuyên nghiệp, tạo môi trường làm việc thuận lợi cho người lao động phát huy tối đa năng lực, nhiệt huyết góp phần hoàn thành mục tiêu chung.
10. Sẵn sàng tham gia và thực hiện tốt các nhiệm vụ khác khi được Tổng công ty giao.

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN MỤC TIÊU SXKD NĂM 2022

Để thực hiện hoàn thành các mục tiêu chủ yếu của năm 2022 nói trên nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của đơn vị, Công ty đề ra các nhóm giải pháp cụ thể như sau:

1. Giải pháp về tổ chức, quản lý doanh nghiệp

Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức bộ máy và cải tiến hệ thống Quản lý sát thực với hoạt động của Công ty, tiếp tục triển khai và duy trì hiệu lực của các tiêu chuẩn ISO 45001:2018, ISO/IEC 17025, ISM code, ISPS code, MLC 2006, ASME và các tiêu chuẩn mới ISO 9001: 2015, ISO 14001:2015.

Thường xuyên rà soát các định mức kinh tế kỹ thuật hiện có nhằm cắt giảm chi phí tới mức hiệu quả nhất. Cải tiến quá trình làm việc để giảm chi phí quản lý, nâng cao hiệu quả trong sản xuất kinh doanh. Tiết kiệm chi phí điện, nước, điện thoại, văn phòng phẩm, xăng dầu, giảm tối đa chi phí hội nghị, hội thảo, tổng kết, sơ kết. Kiểm soát chặt chẽ các chi phí đầu tư để đảm bảo tránh thất thoát lãng phí.

Tiếp tục nâng cao được năng lực tự thực hiện dịch vụ, ví dụ dịch vụ thiết kế trong lĩnh vực thi công hàng hải, sử dụng và vận dụng hiệu quả các nguồn lực và phần mềm thiết kế đã được đầu tư.

Tiếp tục xây dựng văn hóa doanh nghiệp đoàn kết, phát huy tính năng động, sáng tạo, chuyên nghiệp và tạo môi trường làm việc thuận lợi cho người lao động phát huy tối đa khả năng của mình.

2. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực

Tổ chức sắp xếp lại nguồn lực theo chủ trương tái cấu trúc Công ty theo như Nghị quyết của HĐQT, tinh gọn bộ máy quản lý, giảm thiểu tối đa các giao diện trung gian không cần thiết và tăng tính chủ động cho khu vực quản lý cấp trung liên quan tới mảng dịch vụ cốt lõi để phù hợp với giai đoạn phát triển mới của Công ty, với cơ cấu mới giảm từ 10 phòng xuống còn 07 phòng. Tận dụng hợp lý tối đa nguồn lực có sẵn để thực hiện các dự án, hạn chế nhân sự thuê ngoài. Áp dụng linh hoạt và hiệu quả quy chế lương thưởng, hoàn thiện chế độ chính sách đối với người lao động nhằm khuyến khích động viên kịp thời người lao động.

Tìm kiếm, hợp tác với các đối tác cung cấp nhân lực sẵn có để sẵn sàng thuê, sử dụng khi nhân sự của POS thiếu do phải thực hiện nhiều dự án cùng thời điểm.

Tiếp tục đào tạo cho người lao động các kỹ năng ngoại ngữ, chuyên môn, kỹ thuật và kỹ năng quản lý cao cấp theo tiêu chuẩn quốc tế. Rà soát lại các nhu cầu đào tạo, tăng cường công tác đào tạo nội bộ nhằm bồi dưỡng nâng cao tay nghề, nghiệp vụ, chuyên môn tại nơi làm việc.

3. Giải pháp về marketing, tìm kiếm thị trường và triển khai dịch vụ

Tham gia tối đa công tác đấu thầu tìm kiếm công việc trong nước và cả nước ngoài;

Tham gia tối đa công tác đầu thầu ở các lĩnh vực dịch vụ chính là Xây lắp công trình biển, Xây dựng các công trình công nghiệp trên bờ như các nhà máy lọc dầu, nhà máy điện, các dự án điện gió...

Tiếp tục đẩy mạnh công tác phát triển dịch vụ, phát triển thị trường trong khu vực, tối ưu hóa thời gian hoạt động của Sà lan nhà ở ra thị trường khu vực Đông Nam Á đặc biệt là Myanmar, Indonesia, Brunei và các nước có Monsoon trái với Việt Nam như Ấn độ, Úc...

Chú trọng hơn nữa vào việc nghiên cứu các quy định của Tổ chức kinh tế Thế giới để tư vấn cho Ban Lãnh đạo Tổng công ty và đề xuất cách vận dụng các quy định phù hợp với tình hình thực tế của POS.

4. Giải pháp về đầu tư:

Rà soát các hạng mục đầu tư, triển khai các dự án đầu tư thực sự hiệu quả vào thời điểm thích hợp để đáp ứng kịp thời hoạt động cung cấp dịch vụ của POS.

5. Giải pháp về thi đua khen thưởng:

Duy trì phong trào POS star, Phong trào Kaizen, Phong trào HSE. Tổng kết và tổ chức trao giải kịp thời để phát huy tính tích cực các cá nhân, điển hình tiêu biểu.

Duy trì các hoạt động team building trong từng bộ phận, giữa các Đơn vị trong và ngoài Công ty. Ban lãnh đạo Công ty, Lãnh đạo các phòng ban xưởng phải là tấm gương về sự năng động, công tâm, làm việc hết mình vì tập thể.

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Đại hội cổ đông;
- HĐQT, BKS, Ban GD;
- Website Công ty;
- Lưu: VT, Thư ký.

Dương Hùng Văn

Vũng Tàu, ngày tháng năm 2022

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY POS TẠI PHIÊN HỌP ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

Ban kiểm soát Công ty kính báo cáo trước Đại hội kết quả kiểm tra, giám sát năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ công tác năm 2022 của Ban kiểm soát, cụ thể như sau:

PHẦN I - KẾT QUẢ KIỂM TRA, GIÁM SÁT NĂM 2021

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Cơ cấu tổ chức của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát Công ty POS gồm 03 thành viên không chuyên trách:

- Bà Nguyễn Lệ Trà – Trưởng Ban Kiểm soát từ ngày 28/04/2021 (Theo Nghị quyết số 07/NQ-LDBD-BKS ngày 28/04/2021);
- Bà Trần Thị Minh Hương – Kiểm soát viên;
- Bà Phạm Thu Hiền – Kiểm soát viên.

2. Kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và từng kiểm soát viên năm 2021

Căn cứ quyền hạn và trách nhiệm của Ban Kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty; Căn cứ kế hoạch kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông năm 2021 thông qua, Ban Kiểm soát đã triển khai thực hiện các nội dung công việc chủ yếu sau:

- Giám sát tình hình chấp hành các quy định của Pháp luật, Điều lệ, tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2021;
- Kiểm tra, giám sát tình hình triển khai công tác sản xuất kinh doanh của công ty;
- Thẩm định báo cáo Báo cáo tài chính quý/năm, đánh giá hiệu quả hoạt động, khả năng bảo toàn và phát triển vốn;
- Giám sát việc thực hiện phương án Tái cấu trúc/Kiến toàn cơ cấu tổ chức công ty;
- Giám sát việc thực hiện các kiến nghị tại Biên bản của các đoàn kiểm tra, kiểm toán đối với doanh nghiệp;
- Phối hợp với các cơ quan chức năng của nhà nước, các Phòng/ Ban chức năng của Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam trong việc kiểm tra, giám sát công tác quản lý tại đơn vị;
- Phối hợp với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong việc quản lý vốn chủ sở hữu, với mục đích bảo toàn và phát triển vốn;
- Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty;
- Thực hiện các công tác khác của Ban Kiểm soát theo kế hoạch hoạt động năm 2021. Định kỳ hàng quý, Ban kiểm soát lập báo cáo kiểm tra, giám sát đánh giá Hội đồng

quản trị trong việc tuân thủ Điều lệ Công ty; Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông; Đánh giá việc chấp hành các quy định của Pháp luật Nhà nước, của Công ty.

Trong năm 2021, Ban kiểm soát đã bám sát Nghị quyết ĐHĐCĐ, kế hoạch hoạt động và tình hình thực tế, thực hiện đúng các quyền hạn và trách nhiệm theo quy định của Luật doanh nghiệp, đã tổ chức các cuộc họp trong năm vào hàng Quý.

Duy trì mối quan hệ công tác và hợp tác/phối hợp tốt với các Thành viên HĐQT, Ban Giám đốc, Tổng công ty PTSC và các cổ đông khác.

Từng thành viên Ban Kiểm soát đã thực hiện nhiệm vụ theo đúng thẩm quyền và lĩnh vực được phân công công tác với ý thức trách nhiệm cao, theo nguyên tắc độc lập và cẩn trọng. Kết quả hoạt động của từng thành viên Ban Kiểm soát cụ thể như Phụ lục đính kèm.

Trong năm 2021, Ban Kiểm soát đã tổ chức 05 cuộc họp, nội dung các cuộc họp cụ thể như sau:

- Lần 1: Thông qua miễn nhiệm chức vụ Trưởng Ban Kiểm soát đối với ông Trương Trọng Huy và bầu bà Nguyễn Lệ Trà giữ chức Trưởng Ban Kiểm soát công ty.
- Lần 2: Thông qua Báo cáo kiểm tra giám sát quý 02/2021 của Ban Kiểm soát, phân công nhiệm vụ và thông qua kế hoạch hoạt động quý 03/2021.
- Lần 3: Thông qua Báo cáo kiểm tra giám sát quý 03/2021 của Ban Kiểm soát, thông qua Bảng phân công nhiệm vụ Ban Kiểm soát và thông qua kế hoạch hoạt động quý 04/2021.
- Lần 4: Thông qua Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2021 đã được kiểm toán của POS, thống nhất các vấn đề liên quan đến Báo cáo của Ban Kiểm soát hàng Quý, và các nội dung cần lưu ý tập trung kiểm tra, giám sát.
- Lần 5: Thông qua Báo cáo kiểm tra giám sát quý 04/2021 và cả năm 2021 của Ban Kiểm soát.

3. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021

Thù lao của BKS năm 2021: Đối với các thành viên BKS không chuyên trách, mức thù lao là 2.000.000 VND/người/tháng theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thông qua tại cuộc họp thường niên năm 2021. Đối với Trưởng BKS không chuyên trách được Tổng công ty PTSC giới thiệu tham gia Ban Kiểm soát không nhận thù lao tại đơn vị theo Công văn 1085/DVKT-TCNS ngày 13/10/2020 của PTSC. Chi tiết như sau:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao trong năm 2021	Thu nhập từ thưởng BDH	Ghi chú
1	Nguyễn Lệ Trà	Trưởng BKS		30.000.000	Đảm nhận chức vụ Trưởng BKS từ 28/04/2021
2	Trần Thị Minh Hương	Kiểm soát viên	24.000.000		
3	Phạm Thu Hiền	Kiểm soát viên	16.000.000		Đảm nhận chức vụ Kiểm soát viên từ 27/04/2021

Chi phí hoạt động của BKS năm 2021: Áp dụng theo định mức của công ty và quy định hiện hành.

II. BÁO CÁO KẾT QUẢ TÌNH HÌNH GIÁM SÁT THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

1. Hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021

Ban Kiểm soát đã kiểm tra, giám sát tình hình triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh, đã thẩm định và thống nhất với Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021 của Giám đốc công ty. Kết quả cụ thể như sau:

1.1. Một số chỉ tiêu chính về tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2021	Thực hiện 2021	Thực hiện 2020	% Thực hiện 2021 so với	
						Thực hiện 2020	Kế hoạch 2021
1	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	400,00	400,00 (trong đó 84,95% của TCT PTSC)	400,00	100%	100%
2	Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	1.454,67	2.115,78	3.436,07	61,58%	145,45%
3	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Tỷ đồng	33,38	34,60	132,21	26,17%	103,65%
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tỷ đồng	26,70	25,65	101,55	25,26%	96,07%
5	Nộp NSNN	Tỷ đồng	56,08	64,14	154,40	41,55%	114,37%
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	%	6,68	6,41	25,39	25,26%	96,07%

- Doanh thu năm 2021 đạt 2.115,78 tỷ đồng, vượt 45,45% kế hoạch năm 2021 và chỉ bằng 61,58% doanh thu thực hiện năm 2020. Do ảnh hưởng của tình hình dịch bệnh Covid 19 dẫn đến hạn chế công tác tìm kiếm đấu thầu các dự án mới ngoài ra dịch bệnh cũng ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ các dự án đang thực hiện... làm cho POS không thể phát hành Hóa đơn theo đúng kế hoạch ban đầu.
- Lợi nhuận trước thuế năm 2021 đạt 34,60 tỷ đồng, (trong đó lợi nhuận hoạt động tài chính chiếm 46,95%), vượt 3,65% so với kế hoạch lợi nhuận trước thuế năm 2021. So với cùng kỳ năm 2020, lợi nhuận trước thuế giảm sút nghiêm trọng chỉ đạt 26,17% do doanh thu sụt giảm mạnh.
- Lợi nhuận sau thuế năm 2021 là 25,65 tỷ đồng, đạt 96,07% so với kế hoạch năm và giảm 74,74% so với cùng kỳ năm 2020. Lợi nhuận sau thuế giảm sút nghiêm trọng do doanh thu sụt giảm mạnh.

1.2. Kết quả hoạt động SXKD từng lĩnh vực:

Đvt: tỷ đồng

Dịch vụ	Doanh thu	Giá vốn	Lợi nhuận gộp	CP bán hàng và QLDN	Lợi nhuận thuần	% LN thuần/ Doanh thu
Dịch vụ vận chuyên, lắp đặt, đấu nối, tháo dỡ công trình biển, CT bờ - tự thực hiện	638,82	597,55	41,27	35,27	6,00	0,94%
Dịch vụ vận chuyên, lắp đặt, đấu nối, tháo dỡ công trình biển, CT bờ - thuê nhà thầu phụ	1.161,74	1.119,87	41,88	35,79	6,09	0,52%
Dịch vụ vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa (O&M) công trình dầu khí - tự thực hiện	51,22	47,72	3,50	2,99	0,51	0,99%
Dịch vụ vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa (O&M) công trình dầu khí - thuê nhà thầu phụ	23,55	22,78	0,77	0,66	0,11	0,48%
Dịch vụ cung ứng nhân lực O&M (theo chính sách lương nhà thầu)	216,20	193,36	22,84	19,52	3,32	1,54%
Dịch vụ cung ứng nhân lực O&M (theo chính sách lương công ty)	2,59	0,66	1,93	1,65	0,28	10,82%
Tổng	2.094,11	1.981,94	112,18	95,87	16,30	0,78%

- Tỷ suất lợi nhuận thuần trên doanh thu theo loại hình dịch vụ thấp, hiệu quả chưa cao, bình quân 0,78%. Dịch vụ cung ứng nhân lực O&M (theo chính sách lương công ty) có tỷ suất lợi nhuận thuần trên doanh thu cao hơn các loại hình dịch vụ khác nhưng tỷ trọng đóng góp vào tổng doanh thu còn rất thấp.

1.3. Một số chỉ tiêu tài chính năm 2021:

Stt	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	31/12/2021	31/12/2020
I	Quy mô tài sản			
1	Tổng tài sản	Tỷ đồng	1.539,82	2.326,01
1.1	Tài sản ngắn hạn	Tỷ đồng	1.432,31	2.178,32
1.2	Tài sản dài hạn	Tỷ đồng	107,51	147,69
II	Cơ cấu tài sản			
1	Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	93,02%	93,65%
2	Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	6,98%	6,35%
III	Cơ cấu nguồn vốn			
1	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	50,49%	64,78%
2	Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	49,51%	35,22%

IV	Khả năng thanh toán			
1	Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1,91	1,47
2	Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1,77	1,29
IV	Tỷ suất lợi nhuận		Năm 2021	Năm 2020
1	Tỷ suất lợi nhuận gộp/ Doanh thu thuần	%	5,36%	7,12%
2	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế / Doanh thu thuần	%	1,65%	3,89%
3	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế / Vốn góp chủ sở hữu	%	8,65%	33,05%
4	Lợi nhuận sau thuế/Vốn góp chủ sở hữu	%	6,41%	25,39%

- Về quy mô tài sản: Tại ngày 31/12/2021, tổng tài sản của công ty là 1.539,82 tỷ đồng, giảm 786,19 tỷ đồng, tương ứng giảm 33,8% so với đầu năm, chủ yếu do tài sản ngắn hạn giảm 746 tỷ đồng, tương ứng giảm 34,2% so với đầu năm.
- Về cơ cấu tài sản: Tài sản ngắn hạn chiếm tỷ trọng lớn 93,02% trong tổng tài sản tại ngày 31/12/2021, cơ cấu tỷ trọng tài sản ngắn hạn trên tổng tài sản biến động giảm so với đầu năm chủ yếu do các khoản phải thu ngắn hạn giảm 546,80 tỷ đồng.
- Về cơ cấu nguồn vốn: Tỷ trọng nợ phải trả/tổng nguồn vốn giảm so với đầu năm chủ yếu do nợ ngắn hạn giảm.
- Về chỉ số khả năng thanh toán: Tại thời điểm 31/12/2021, hệ số khả năng thanh toán hiện hành là 1,91 lần, hệ số khả năng thanh toán nhanh là 1,77 lần. Các hệ số này thể hiện tình hình tài chính của POS an toàn, công ty có khả năng tự chủ về nguồn tài chính để thanh toán các khoản nợ ngắn hạn cho khách hàng.
- Về tỷ suất sinh lợi: Tỷ suất lợi nhuận gộp trên doanh thu thuần giảm 1,8%, khả năng tạo lợi nhuận gộp năm 2021 thấp hơn so với năm 2020. Chỉ số LNTT/Vốn góp của chủ sở hữu năm 2021 giảm mạnh so với năm 2020 là do doanh thu, lợi nhuận giảm.
- Công tác quản lý nợ phải thu:
 Các khoản phải thu ngắn hạn tại thời điểm 31/12/2021 là 865,41 tỷ đồng, giảm 546,80 tỷ đồng, tương ứng giảm 38,7% so với đầu năm, trong đó, Nợ phải thu ngắn hạn khách hàng là 845,94 tỷ đồng, gồm nợ chưa đến hạn là 735,73 tỷ đồng, chiếm 87% và nợ quá hạn là 110,21 tỷ đồng, chiếm 13%. Các khoản nợ phải thu quá hạn đều đã được đơn vị trích lập dự phòng đầy đủ với tổng giá trị trích lập tại ngày 31/12/2021 là 25,43 tỷ đồng.
- Tại thời điểm 31/12/2021, số dư tiền và các khoản tương đương tiền của công ty là 194,58 tỷ đồng, tăng 27,72 tỷ đồng so với thời điểm 31/12/2020. Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ của công ty là dương 27,81 tỷ đồng. Trong đó:
 - + Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh là âm 7,98 tỷ đồng.

+ Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư là dương 95,16 tỷ đồng, chủ yếu do thu lãi tiền gửi và đáo hạn các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng và dưới 1 năm.

+ Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính là âm 59,38 tỷ đồng, chủ yếu do chi trả cổ tức.

- Công tác quản lý tài chính: Công ty thực hiện theo chế độ quản lý vốn, tài sản, phân phối lợi nhuận, chế độ quản lý tài chính và chế độ kế toán theo quy định; Mua bảo hiểm tài sản; Trích lập các khoản dự phòng. Công tác quản lý, kiểm soát công nợ phải thu được kiểm soát, duy trì.

2. Công tác đầu tư và xây dựng cơ bản: Công tác đầu tư của POS đã được triển khai theo các quy định hiện hành của Nhà nước và quy định nội bộ của công ty. Giá trị giải ngân đầu tư trong năm 2021 là 10,21 tỷ đồng.

3. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022

Đánh giá năng lực sản xuất kinh doanh của công ty và tình hình thị trường, Công ty POS đã xây dựng kế hoạch SXKD năm 2022 với các chỉ tiêu như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2021	% KH 2022 so với TH 2021
1	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	400,00	400,00	100,00%
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.700,00	2.115,78	80,35%
3	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Tỷ đồng	35,00	34,60	101,19%
4	Lợi nhuận thực hiện sau thuế TNDN	Tỷ đồng	28,00	25,65	109,16%
5	Tỷ suất lợi nhuận ST/Vốn điều lệ	%	7,00%	6,41%	109,20%
6	Lợi nhuận được phân phối (*)	Tỷ đồng	40,25	53,65	75,02%
+	Chia cổ tức	Tỷ đồng	28,00 (7% VĐL)	28,00 (7% VĐL)	100%
+	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Tỷ đồng	11,75	12,90	91,09%
+	Quỹ thưởng Ban điều hành	Tỷ đồng	0,50	0,50	100%

* Lợi nhuận được phân phối năm 2021 (53,65 tỷ đồng): bao gồm lợi nhuận năm 2021 là 25,65 tỷ đồng và lợi nhuận chưa phân phối của năm 2020 là 28 tỷ đồng.

* Lợi nhuận được phân phối năm 2022 (40,25 tỷ đồng): bao gồm lợi nhuận năm 2022 là 28,00 tỷ đồng và lợi nhuận chưa phân phối của năm 2021 là 12,25 tỷ đồng.

III. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2021

Ban Kiểm soát đã thực hiện việc thẩm định Báo cáo tài chính của Công ty trong năm tài chính 2021 kết thúc tại ngày 31/12/2021, kết quả như sau:

- Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty đã phản ánh đầy đủ tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và được trình bày theo các mẫu báo cáo quy định của Bộ Tài chính.
- Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty đã phản ánh trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021.
- Việc ghi chép, mở sổ kế toán, phân loại các nội dung kinh tế theo các chuẩn mực kế toán do Bộ Tài chính ban hành.

- Các chỉ tiêu về Doanh thu, Lợi nhuận trước thuế năm 2021 đều hoàn thành vượt kế hoạch nhưng Lợi nhuận sau thuế chỉ đạt 96,07% so với kế hoạch năm.
- Các chỉ số tài chính sụt giảm so với năm 2020 do lợi nhuận giảm mạnh. Công ty có khả năng tự chủ về nguồn tài chính.
- Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty đã được thực hiện kiểm toán theo quy định tại Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2021. Công ty TNHH Deloitte Việt Nam đã được lựa chọn thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty.
- Đơn vị trích lập dự phòng các khoản phải thu quá hạn, phải thu khó đòi theo quy định. Việc thanh toán nợ phải trả được đảm bảo trên cơ sở cân đối dòng tiền.
- Ban Kiểm soát nhất trí với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

IV. BÁO CÁO KẾT QUẢ TRONG NĂM 2021 VỀ CÔNG TÁC RÀ SOÁT KIỂM TRA VÀ ĐÁNH GIÁ HIỆU LỰC VÀ HIỆU QUẢ CỦA HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ, KIỂM TOÁN NỘI BỘ, QUẢN LÝ RỦI RO VÀ CẢNH BÁO SỚM CỦA CÔNG TY

Về kiểm soát quản lý, trong năm 2021, Ban kiểm soát tiếp tục duy trì việc chú trọng vào kiểm soát rủi ro thông qua việc rà soát lại các chính sách, quy trình, quy định nội bộ phù hợp với quy định của pháp luật nhằm đảm bảo phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời rủi ro. Công ty đã xây dựng hệ thống quy trình tương đối đầy đủ trong đó có chứa đựng các cơ chế kiểm soát và các quy trình này được thực thi tạo điều kiện cho cơ chế kiểm soát được vận hành một cách hữu hiệu. Tất cả các hoạt động (công tác đấu thầu, công tác quản lý dự án), các quy trình hiện tại của công ty đều thực hiện đánh giá rủi ro theo Quy trình quản lý rủi ro.

Về kiểm soát kế toán, Ban kiểm soát thực hiện soát xét các báo cáo, số liệu tài chính nội bộ cũng như tính chính xác của các số liệu báo cáo. Kết quả soát xét báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ tại thời điểm 31/12/2021, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

V. BÁO CÁO RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ VỀ GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY, CÔNG TY CON, CÔNG TY DO CÔNG TY ĐẠI CHÚNG NẮM QUYỀN KIỂM SOÁT TRÊN 50% TRỞ LÊN VỐN ĐIỀU LỆ VỚI TV HĐQT, GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC CỦA DOANH NGHIỆP VÀ NHỮNG NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA ĐỐI TƯỢNG ĐÓ; GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY TRONG ĐÓ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC CỦA DOANH NGHIỆP LÀ THÀNH VIÊN SÁNG LẬP HOẶC LÀ NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP TRONG THỜI GIAN 03 NĂM GẦN NHẤT TRƯỚC THỜI ĐIỂM GIAO DỊCH:

Trong năm 2021, Công ty có thực hiện giao dịch với người có liên quan với Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc (theo Điều 164 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020) là Công ty TNHH TM và DV DL Dũng Tuấn về việc cung cấp dịch vụ lưu trú khách sạn cho nhân sự cách ly trước khi đi biển cho khách hàng KNOC. Giám đốc Công ty

đã có văn bản báo cáo HĐQT, BKS Công ty về vấn đề này ngày 8/4/2022 và HĐQT đã có cuộc họp ngày 19/4/2022 ghi nhận có giao dịch này xảy ra trong năm 2021, không gây thiệt hại cho POS và Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty đã đưa ra biện pháp khắc phục không để xảy ra tình trạng này bằng cách đưa vào quy định/quy trình mua sắm đối với các giao dịch có liên quan nhưng chưa có biểu quyết thông qua đồng ý giao dịch này.

VI. BÁO CÁO KẾT QUẢ THANH TRA, KIỂM TRA ĐƠN VỊ TRONG KỲ CỦA CƠ QUAN CHỨC NĂNG NHÀ NƯỚC: Không phát sinh trong năm 2021.

VII. KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC

Ban Kiểm soát nhất trí với Báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc tại phiên họp thường niên 2022.

Công tác điều hành sản xuất kinh doanh của Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty trong năm 2021 về cơ bản đã tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Điều lệ hoạt động, Nghị quyết của ĐHCĐ, HĐQT Công ty, các quy định pháp luật có liên quan và các Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị của Hội đồng quản trị Tổng công ty. Tuy nhiên nội dung liên quan đến giao dịch giữa Công ty với người có liên quan của HDTV, Giám đốc, người quản lý khác chưa được thực hiện theo quy định tại Điều 164, Khoản 1 Điểm c và Khoản 2 Điều 167 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020, Phụ lục V Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Các Thành viên HĐQT làm việc với tinh thần trách nhiệm, cẩn trọng. HĐQT đã thể hiện đúng vai trò, trách nhiệm của mình, hỗ trợ Ban Giám đốc trong quá trình điều hành, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, đoàn thể hoạt động.

Trong năm 2021, HĐQT đã tổ chức 04 cuộc họp trực tiếp và 11 đợt lấy ý kiến, ban hành tổng cộng 23 văn bản trong đó có 09 Nghị quyết và 14 Quyết định.

Trong năm 2021, Ban Giám đốc Công ty đã tập trung điều hành quyết liệt, linh hoạt, sâu sát mọi hoạt động của Công ty; chủ động nghiên cứu, thực hiện các giải pháp và triển khai kịp thời các quyết sách đề tháo gỡ khó khăn; đẩy mạnh công tác phát triển dịch vụ ra nước ngoài. Bên cạnh đó, Ban Giám đốc Công ty cũng đã tổ chức triển khai các chương trình hành động, phát động nhiều phong trào thi đua nhằm động viên, khuyến khích NLD sáng tạo trong công việc.

VIII. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BAN KIỂM SOÁT VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC

Ban Kiểm soát đã phối hợp với Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty trong việc thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao, phối hợp trong hoạt động kiểm tra, giám sát và kiểm soát nội bộ, phối hợp trong việc quản lý vốn chủ sở hữu.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã tạo điều kiện thuận lợi để Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ. Cung cấp các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo quy định; Ban Kiểm soát được mời tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị, họp giao ban của Công ty.

Ban Kiểm soát đã thông báo cho Hội đồng quản trị, Giám đốc nội dung kiểm tra, kiểm soát năm 2021 để phối hợp. Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát đã được tham khảo ý kiến Hội đồng quản trị trước khi trình Đại hội đồng cổ đông.

Ban Kiểm soát đã thẩm định báo cáo tài chính; Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước khi trình Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông. Báo cáo tổng kết công tác kiểm tra, kiểm soát đối với hoạt động quản lý, điều hành, tình hình quản lý và sử dụng vốn, lập báo cáo tài chính hàng quý, của Ban Kiểm soát đều được gửi tới Hội đồng quản trị và Giám đốc Công ty.

IX. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Ban Kiểm soát nhất trí với Báo cáo của Hội đồng quản trị, Báo cáo của Giám đốc công ty tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022. Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022, phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 của công ty.

Để hoàn thành tốt các nhiệm vụ kế hoạch năm 2022, Ban Kiểm soát có một số kiến nghị đối với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc như sau:

- Thực hiện hoạch định chiến lược phát triển, xây dựng chiến lược đầu tư để tạo tiền đề phát triển cho các năm tiếp theo;
- Tích cực thực hiện các biện pháp thu hồi công nợ nhằm tăng khả năng thanh toán, cân đối dòng tiền;
- Kiểm soát chặt chẽ chi phí phát sinh của các dự án; Tận dụng tối đa nguồn lực nội tại của Đơn vị, giảm chi phí thuê/mua ngoài;
- Tăng cường quản lý, sử dụng hàng tồn kho hiệu quả, tránh tình trạng hàng tồn kho chậm luân chuyển, tồn đọng lớn;
- Tăng cường quản lý dòng tiền để tăng doanh thu hoạt động tài chính đóng góp vào hiệu quả sản xuất kinh doanh chung;
- Tuân thủ và thực hiện đúng quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các quy định khác về giao dịch với người có liên quan.
- Tuân thủ các quy định của nhà nước liên quan đến các dịch vụ sử dụng và cung cấp khi dịch bệnh phát sinh.

PHẦN II - KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2022

Thực hiện quyền hạn và trách nhiệm của Ban Kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và nhiệm vụ ĐHCĐ năm 2022 giao, trong đó tập trung kiểm tra, giám sát các công việc chủ yếu sau:

- Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ kiểm tra giám sát các hoạt động điều hành, quản lý kinh doanh theo chức năng, nhiệm vụ quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
- Giám sát việc chấp hành các quy định của Pháp luật, Điều lệ tổ chức hoạt động, tình hình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, của Hội đồng quản trị Công ty và của Hội đồng quản trị Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam;
- Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh; Giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2022;
- Giám sát công tác thực hiện tái cấu trúc Công ty.
- Thẩm định báo cáo Báo cáo tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động, khả năng bảo toàn và phát triển vốn.
- Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty.

- Giám sát, đánh giá về giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người điều hành khác của công ty và những người có liên quan của đối tượng đó; đánh giá về giao dịch giữa công ty và công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người điều hành khác của công ty là thành viên sáng lập hoặc người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
- Phối hợp với các Phòng/ Ban chức năng của Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam trong việc kiểm tra, giám sát công tác quản lý tại đơn vị.
- Giám sát các biện pháp tiết giảm chi phí quản lý.
- Thực hiện các công việc khác của Ban Kiểm soát theo yêu cầu của ĐHCĐ, của Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam và các quy định hiện hành.

Trên đây là báo cáo tóm tắt tình hình hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2021 và phương hướng hoạt động chủ yếu của Ban Kiểm soát năm 2022.

Kính trình Đại hội xem xét thông qua.

Trân trọng.

TM.BAN KIỂM SOÁT

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT, BKS, Ban GD;
- Website Công ty;
- Lưu: VT, Thư ký HĐQT.

Phụ lục: Báo cáo kết quả hoạt động của từng Kiểm soát viên

Theo quy định của Luật doanh nghiệp và của Điều lệ công ty, các thành viên Ban Kiểm soát đã thực hiện nhiệm vụ theo từng lĩnh vực được phân công, cụ thể như sau:

1. Bà Nguyễn Lệ Trà – Trưởng Ban kiểm soát:

- Đã tham gia 5/5 cuộc họp của Ban Kiểm soát và cho ý kiến đầy đủ về công tác kiểm tra, giám sát đối với các hoạt động, lĩnh vực của Ban Kiểm soát được phân công.
- Đã thực hiện tốt các trách nhiệm liên quan đến công việc, lĩnh vực: Công tác điều hành chung các công việc giám sát của Ban Kiểm soát; Xây dựng, sửa đổi, bổ sung, ban hành Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Theo dõi, đôn đốc triển khai thực hiện các hoạt động kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát; Chỉ đạo, hỗ trợ, đôn đốc các Kiểm soát viên triển khai thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát. Phân công nhiệm vụ cho từng Kiểm soát viên; Phê duyệt các báo cáo của Ban Kiểm soát.
- Đã triển khai công tác kiểm tra, giám sát đối với các hoạt động: Giám sát việc tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh, trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ quản lý của HĐQT, điều hành của Ban Giám đốc Công ty; Giám sát thực hiện mục tiêu nhiệm vụ được giao, chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm và dài hạn của Công ty; Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty liên quan đến các công việc quản lý, điều hành của Công ty;
- Đã tham gia các cuộc họp của HĐQT, họp giao ban của Công ty để nắm bắt kịp thời các hoạt động cũng như kế hoạch hoạt động, quản lý hoạt động SXKD của Công ty.

2. Bà Trần Thị Minh Hương – Kiểm soát viên:

- Đã tham gia 5/5 cuộc họp của Ban Kiểm soát và cho ý kiến đầy đủ về công tác kiểm tra, giám sát đối với các hoạt động, lĩnh vực của Ban Kiểm soát được phân công.
- Đã triển khai công tác kiểm tra, giám sát đối với các hoạt động: Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính; Kiểm tra tình hình quản lý, sử dụng vốn, sử dụng tài sản, phân phối thu nhập, trích lập và sử dụng các quỹ, các khoản công nợ trong nội bộ và ngoài Công ty; Thẩm định báo cáo tài chính năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty; Lập các báo cáo của Ban kiểm soát theo yêu cầu của Tổng Công ty PTSC; Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ Công ty, quyết định của ĐHCĐ và các quy định khác của Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật liên quan.

3. Bà Phạm Thu Hiền – Kiểm soát viên

- Đã tham gia 5/5 cuộc họp của Ban Kiểm soát và cho ý kiến đầy đủ về công tác kiểm tra, giám sát đối với các hoạt động, lĩnh vực của Ban Kiểm soát được phân công.

- Đã triển khai công tác kiểm tra, giám sát đối với các hoạt động: Thẩm định và lập báo cáo thẩm định báo cáo đánh giá công tác quản lý hàng năm của HĐQT; Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông; Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty; Giám sát việc chấp hành các quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Điều lệ Công ty, các Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT trong công tác quản lý, điều hành hoạt động SXKD; Xem xét, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của các văn bản quản lý nội bộ trong Công ty; Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ Công ty, quyết định của ĐHĐCĐ và các quy định khác của Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật liên quan.

Số: /TTr-POS-HĐQT

Vũng Tàu, ngày 26 tháng 4 năm 2022

TỜ TRÌNH
Về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 đã kiểm toán

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022

Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí Biển PTSC, Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội xem xét và quyết định nội dung sau:

Thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí Biển PTSC đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam với một số chỉ tiêu chính như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2021
1	Vốn Điều lệ	Triệu đồng	400.000
2	Tổng Tài sản	Triệu đồng	1.539.823
3	Tổng Doanh thu	Triệu đồng	2.115.777
4	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Triệu đồng	34.599
5	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Triệu đồng	25.650

Báo cáo tài chính năm 2021 đã kiểm toán chi tiết như đính kèm.

Hội đồng quản trị trân trọng kính trình Đại hội xem xét và thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Thành viên HĐQT ;
- Ban Giám đốc, Ban Kiểm Soát;
- Lưu : VT, Thư ký.

Nguyễn Tiên Phong



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT, VẬN HÀNH
VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT, VẬN HÀNH
VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC**
65A Đường 30/4, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 29

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT, VẬN HÀNH
VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC
65A Đường 30/4, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Tiên Phong	Chủ tịch
Ông Dương Hùng Văn	Thành viên
Ông Vũ Chí Viện	Thành viên
Ông Nguyễn Tuấn	Thành viên
Ông Nguyễn Thế Hoàng	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Dương Hùng Văn	Giám đốc
Ông Lê Toàn Thắng	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Dương	Phó Giám đốc
Ông Vũ Đình Cao Sơn	Phó Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2021)
Ông Nguyễn Văn Diệp	Phó Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 16 tháng 3 năm 2021)
Ông Vũ Chí Viện	Phó Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 16 tháng 3 năm 2021)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

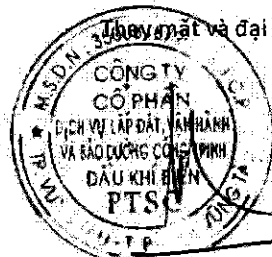
Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Đã ký và đại diện cho Ban Giám đốc,



Dương Hùng Văn
Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2022

Số: 0484 /VNIA-HC-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 3 năm 2022, từ trang 03 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Đào Thái Thịnh
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1867-2018-001-1

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 28 tháng 3 năm 2022

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Phan Thị Hồng Nhung
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 4130-2018-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.432.312.418.373	2.178.315.984.634
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	194.579.619.699	166.861.947.825
1. Tiền	111		144.579.619.699	166.861.947.825
2. Các khoản tương đương tiền	112		50.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	257.470.000.000	343.670.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		257.470.000.000	343.670.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		865.411.453.863	1.412.215.586.420
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	845.937.531.688	1.342.616.457.493
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	27.170.462.025	50.595.075.192
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	17.734.199.853	26.098.908.123
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	6	(25.430.739.703)	(7.094.854.388)
IV. Hàng tồn kho	140	9	106.903.105.331	254.641.950.170
1. Hàng tồn kho	141		106.903.105.331	293.861.743.976
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(39.219.793.806)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.948.239.480	926.500.219
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	1.523.448.454	926.500.219
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		4.173.302.481	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	2.251.488.545	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		107.511.194.864	147.694.382.333
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		95.000.000	2.095.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	95.000.000	2.095.000.000
II. Tài sản cố định	220		61.154.128.528	72.877.692.122
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	59.333.859.617	69.009.904.889
- Nguyên giá	222		887.192.755.404	881.419.724.109
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(827.858.895.787)	(812.409.819.220)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	1.820.268.911	3.867.787.233
- Nguyên giá	228		18.624.745.000	18.230.685.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(16.804.476.089)	(14.362.897.767)
III. Tài sản dài hạn khác	260		46.262.066.336	72.721.690.211
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	36.999.245.278	55.872.883.186
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	13	9.262.821.058	16.848.807.025
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.539.823.613.237	2.326.010.366.967

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

250
NH
TNH
TT
VAN
30

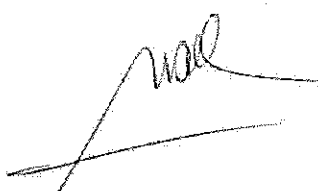
DA

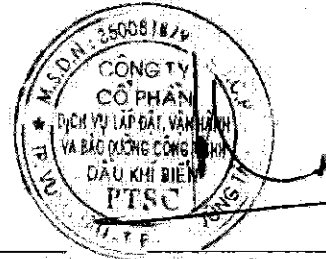
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

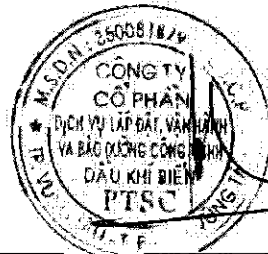
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		777.430.262.966	1.506.893.632.152
I. Nợ ngắn hạn	310		750.616.336.970	1.485.501.286.962
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	499.265.674.335	1.111.289.381.965
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	79.550.800.237	106.444.576.871
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	4.980.618.939	39.499.814.795
4. Phải trả người lao động	314		18.957.828.897	41.086.866.697
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	87.617.051.740	121.233.319.962
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		19.692.329.300	2.091.875.000
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	30.537.761.439	43.702.484.239
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	19	-	16.978.235.930
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		10.014.272.083	3.174.731.503
II. Nợ dài hạn	330		26.813.925.996	21.392.345.190
1. Dự phòng phải trả dài hạn	342	19	26.621.775.996	21.069.345.190
2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		192.150.000	323.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		762.393.350.271	819.116.734.815
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	762.393.350.271	819.116.734.815
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		400.000.000.000	400.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		308.742.964.235	308.742.964.235
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		53.650.386.036	110.373.770.580
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		28.000.000.000	8.826.289.822
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		25.650.386.036	101.547.480.758
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.539.823.613.237	2.326.010.366.967


 Đinh Thị Thủy
 Người lập biểu


 Hoàng Văn Duy
 Kế toán trưởng


 Dương Hùng Văn
 Giám đốc
 Ngày 28 tháng 3 năm 2022

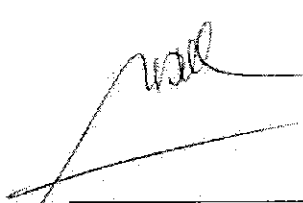


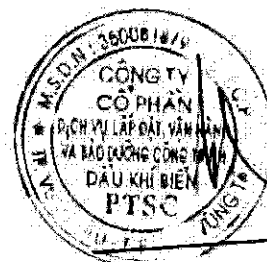
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Chợ năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

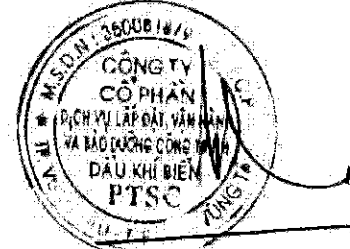
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay		Năm trước	
1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	01		2.094.113.332.797		3.402.136.982.031	
2. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ (10=01)	10	23	2.094.113.332.797		3.402.136.982.031	
3. Giá vốn dịch vụ cung cấp	11	24	1.981.935.559.933		3.160.025.720.704	
4. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		112.177.772.864		242.111.261.327	
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	18.634.979.425		33.666.043.252	
6. Chi phí tài chính	22	27	2.392.123.438		952.169.496	
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.111.154.015		332.901.046	
7. Chi phí bán hàng	25	28	16.026.724.294		26.280.716.546	
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	79.846.114.809		115.190.218.178	
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		32.547.789.748		133.354.200.359	
10. Thu nhập khác	31		3.029.198.738		268.219.693	
11. Chi phí khác	32		977.518.530		1.408.756.221	
12. Lợi nhuận/(lỗ) khác (40=31-32)	40		2.051.680.208		(1.140.536.528)	
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		34.599.469.956		132.213.663.831	
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	30	1.363.097.953		40.458.056.286	
15. Chi phí/(thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	13	7.585.985.967		(9.791.873.213)	
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		25.650.386.036		101.547.480.758	
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	82		2.132	


Đinh Thị Thủy
Người lập biểu


Hoàng Văn Duy
Kế toán trưởng




Dương Hùng Văn
Giám đốc
Ngày 28 tháng 3 năm 2022

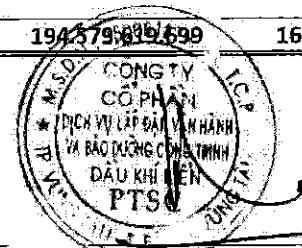
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	34.599.469.956	132.213.663.831
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	20.133.159.964	16.209.290.509
Các khoản dự phòng	03	(32.309.713.615)	65.489.931.436
Lỗi/(lỗi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	41.116.568	(427.805.670)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(15.826.697.144)	(29.254.390.981)
Chi phí lãi vay	06	1.111.154.015	332.901.046
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	7.748.489.744	184.563.590.171
Thay đổi các khoản phải thu	09	514.807.292.836	(1.046.385.626.625)
Thay đổi hàng tồn kho	10	186.958.638.645	(238.947.013.063)
Thay đổi các khoản phải trả	11	(696.002.096.367)	1.106.654.171.931
Thay đổi chi phí trả trước	12	18.276.689.673	(46.738.635.776)
Tiền lãi vay đã trả	14	(1.111.154.015)	(332.901.046)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(22.992.423.767)	(25.139.008.614)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(15.665.080.000)	(10.172.874.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(7.979.643.251)	(76.498.297.022)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21	(15.259.837.910)	(59.838.388.566)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	1.601.494.243	222.303.500
3. Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn	24	86.200.000.000	178.400.000.000
4. Tiền thu lãi tiền gửi	27	22.621.287.231	35.660.415.289
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	95.162.943.564	154.444.330.223
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông	36	(59.376.422.566)	(28.087.180.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(59.376.422.566)	(28.087.180.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	27.806.877.747	49.858.853.201
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	166.861.947.825	117.005.468.356
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(89.205.873)	(2.373.732)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	194.579.899.699	166.861.947.825


Đinh Thị Thủy
Người lập biểu


Hoàng Văn Duy
Kế toán trưởng


Dương Hùng Văn
Giám đốc
Ngày 28 tháng 3 năm 2022

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC (gọi tắt là "Công ty") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3500818790 ngày 27 tháng 12 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp và các giấy phép điều chỉnh. Cổ đông chính và là công ty mẹ của Công ty là Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "PTSC").

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên thị trường UPCoM từ ngày 25 tháng 11 năm 2016, với mã chứng khoán "POS".

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 549 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 581 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp các dịch vụ sau:

- (i) Dịch vụ vận chuyển, lắp đặt, đấu nối chạy thử các công trình dầu khí;
- (ii) Dịch vụ di dời thu gom mỏ sau khi kết thúc các chu kỳ khai thác ngoài biển;
- (iii) Dịch vụ vận hành và bảo dưỡng các công trình dầu khí;
- (iv) Dịch vụ cung ứng nhân lực cho các công tác lắp đặt và đấu nối chạy thử, hỗ trợ vận hành và bảo dưỡng;
- (v) Dịch vụ kho ngoại quan phục vụ công tác vận hành, bảo dưỡng lắp đặt và đấu nối chạy thử; Dịch vụ sửa chữa máy móc thiết bị;
- (vi) Dịch vụ đo lường, điều khiển cho các công trình dầu khí, các ngành công nghiệp khác và dân dụng, mua bán phụ tùng;
- (vii) Kinh doanh, lắp đặt, bảo trì sửa chữa trang thiết bị phòng cháy, hệ thống báo cháy, cứu hỏa phục vụ công nghiệp dầu khí, các ngành công nghiệp khác và dân dụng;
- (viii) Quản lý vận hành, khai thác và kinh doanh các dịch vụ cung cấp sà lan nhà ở và các phương tiện nổi.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Sự kiện quan trọng phát sinh trong năm

Sự lây lan của dịch bệnh do chủng virus Corona mới gây ra ("Covid-19") đã và đang tác động đến nền kinh tế thế giới và trong nước. Hoạt động kinh doanh của Công ty cũng chịu ảnh hưởng trực tiếp và/hoặc gián tiếp từ diễn biến không chắc chắn của đại dịch Covid-19 ở Việt Nam. Ban Giám đốc đã đánh giá ảnh hưởng của Covid-19 đối với tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của Công ty để thực hiện tất cả các biện pháp thích hợp nhằm hạn chế tác động tiêu cực của dịch bệnh tới hoạt động của Công ty trong năm. Ban Giám đốc cũng tin tưởng rằng Covid-19 không ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu của khách hàng và phải thu khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả và dự phòng phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.



Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ đã quá hạn mà Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	6 - 25
Máy móc và thiết bị	3 - 7
Phương tiện vận tải	6 - 7
Thiết bị văn phòng	3

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản vô hình và khấu hao

Tài sản vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán.

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm bảo hiểm và các khoản chi phí khác được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng không quá mười hai tháng.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các khoản chi phí bảo hiểm con người, chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ, chi phí thuê mặt bằng và các khoản chi phí khác được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng với thời hạn trên mười hai tháng.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Trong trường hợp Công ty có hợp đồng có rủi ro lớn, nghĩa vụ hiện tại theo hợp đồng sẽ được ghi nhận và tính như một khoản dự phòng. Tổn thất dự kiến từ các hợp đồng có rủi ro lớn được ghi nhận khi ước tính chính xác nhất của tổng chi phí hợp đồng vượt quá giá trị hợp đồng dự kiến.

Dự phòng sửa chữa lớn tài sản cố định định kỳ được trích vào chi phí sản xuất kinh doanh hàng năm căn cứ vào dự toán cho đến năm dự kiến việc sửa chữa tài sản xảy ra. Tại năm phát sinh sửa chữa, nếu chi phí thực tế lớn hơn số trích theo dự toán hoặc ngược lại thì số chênh lệch được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính đó.

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp được trích theo tỷ lệ tối đa 10% trên thu nhập tính thuế hàng năm trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Việc trích lập và sử dụng quỹ được thực hiện theo chính sách của Công ty.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

100
TINH
GTY
LOI
BTI
HOK

AC

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa khối lượng thực tế thực hiện so với tổng khối lượng công việc dự toán.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ

Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ theo điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty cổ phần và theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	351.287.912	592.307.901
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	144.228.331.787	166.269.639.924
Các khoản tương đương tiền	50.000.000.000	-
	194.579.619.699	166.861.947.825

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng tại các ngân hàng thương mại trong nước với lãi suất được hưởng là 3,2%/năm.

Công ty đang dùng các khoản tiền gửi không kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại với giá trị tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2021 là 1.429.857.666 đồng để đảm bảo cho việc phát hành thư bảo lãnh tạm ứng, bảo lãnh dự thầu và bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho các dự án Công ty đang thực hiện hoặc đối với các dự án Công ty đang trong quá trình tham gia dự thầu.

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Các khoản đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 12 tháng tại các ngân hàng thương mại trong nước với lãi suất được hưởng từ 3,2%/năm đến 4,9%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: lãi suất từ 4,6%/năm đến 6,5%/năm).

Công ty đang dùng các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại với giá trị tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2021 là 173.000.000.000 đồng để đảm bảo cho việc phát hành thư bảo lãnh tạm ứng, bảo lãnh dự thầu và bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho các dự án Công ty đang thực hiện hoặc đối với các dự án Công ty đang trong quá trình tham gia dự thầu.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Phải thu từ bên thứ ba		
Technip Geoproduction (M) SDN BHD	200.423.358	471.868.864.531
Công ty TNHH Dầu khí Việt Nhật	10.748.644.500	18.671.434.703
Chevron Thailand Exploration and Production., Ltd	195.017.834.095	-
Khác	124.385.001.092	276.586.836.853
b. Phải thu từ bên liên quan (Thuyết minh 34)	515.585.628.643	575.489.321.406
	845.937.531.688	1.342.616.457.493
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(25.430.739.703)	(7.094.854.388)
	820.506.791.985	1.335.521.603.105

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trả trước cho bên thứ ba		
Gulf Agency CO. Qatar W.L.L	175.052.054	22.869.818.022
Công ty Cổ phần Xây Dựng Số 7	13.812.212.195	19.972.677.529
Công ty TNHH PT Thương Mại Phương Nam	3.100.000.000	-
Khác	10.083.197.776	7.752.579.641
	27.170.462.025	50.595.075.192

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT, VẬN HÀNH
VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Phải thu ngắn hạn khác		
Lãi tiền gửi dự thu	8.373.846.574	16.769.930.904
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	5.355.729.500	6.406.196.949
Thuế giá trị gia tăng chưa kê khai	2.356.122.449	819.066.637
Phải thu nội bộ từ Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	148.885.456	148.885.456
Phải thu ngắn hạn khác	1.499.615.874	1.954.828.177
	17.734.199.853	26.098.908.123
b. Phải thu dài hạn khác		
Cầm cố, ký quỹ, ký cược dài hạn	95.000.000	2.095.000.000

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm VND		Số đầu năm VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	6.697.638.805	-	6.805.084.832	-
Công cụ, dụng cụ	18.455.923.961	-	21.190.356.564	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	81.749.542.565	-	265.866.302.580	(39.219.793.806)
	106.903.105.331	-	293.861.743.976	(39.219.793.806)

(*) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang bao gồm chi phí liên quan đến nguyên vật liệu, máy móc và chi phí dịch vụ mua ngoài của các dự án dở dang như sau:

	Số cuối năm VND		Số đầu năm VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Dự án Gallaf cho Qatar	63.209.758.230	-	251.848.395.717	(39.219.793.806)
Dự án Nam Côn Sơn 2	16.293.961.216	-	9.512.028.099	-
Chi phí dự án Long Phú	1.808.541.726	-	1.804.998.171	-
Cung cấp dịch vụ cho TUOC	437.281.393	-	-	-
Dự án HUC Sao vàng Đại Nguyệt (PMC)	-	-	2.700.880.593	-
	81.749.542.565	-	265.866.302.580	(39.219.793.806)

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Chi phí bảo hiểm	1.523.448.454	926.500.219
	1.523.448.454	926.500.219
b. Dài hạn		
Chi phí thuê đất	7.380.050.400	8.302.556.700
Chi phí phục vụ dự án Long Sơn	6.141.995.026	13.431.991.051
Công cụ dụng cụ, thiết bị thay thế xuất dùng	18.401.266.533	33.812.065.500
Các khoản khác	5.075.933.319	326.269.935
	36.999.245.278	55.872.883.186

01/01
 HINH
 HQ
 ELI
 TIE
 H PH

10

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT, VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
NGUYỄN GIÁ					
Số dư đầu năm	49.559.832.756	152.502.899.312	655.218.697.187	24.138.294.854	881.419.724.109
Tăng trong năm	-	1.325.357.000	-	135.410.000	1.460.767.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	2.426.484.650	3.593.654.720	534.630.000	6.554.769.370
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.597.505.075)	(645.000.000)	-	(2.242.505.075)
Số dư cuối năm	49.559.832.756	154.657.235.887	658.167.351.907	24.808.334.854	887.192.755.404
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	40.767.077.723	103.313.346.189	651.312.061.603	17.017.333.705	812.409.819.220
Khấu hao trong năm	586.183.664	12.216.407.316	1.308.456.711	3.580.533.951	17.691.581.642
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.597.505.075)	(645.000.000)	-	(2.242.505.075)
Số dư cuối năm	41.353.261.387	113.932.248.430	651.975.518.314	20.597.867.656	827.858.895.787
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	8.792.755.033	49.189.553.123	3.906.635.584	7.120.961.149	69.009.904.889
Tại ngày cuối năm	8.206.571.369	40.724.987.457	6.191.833.593	4.210.467.198	59.333.859.617

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 793.163.050.303 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 788.032.696.471 đồng).

10/01/2022

OK

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu năm	18.230.685.000
Tăng trong năm	394.060.000
Số dư cuối năm	<u>18.624.745.000</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư đầu năm	14.362.897.767
Khấu hao trong năm	2.441.578.322
Số dư cuối năm	<u>16.804.476.089</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày đầu năm	<u>3.867.787.233</u>
Tại ngày cuối năm	<u>1.820.268.911</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, nguyên giá của tài sản vô hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 14.746.885.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 10.847.875.000 đồng).

13. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm và năm trước như sau:

	Chi phí phải trả và các khoản dự phòng khác VND
Số dư đầu năm trước	7.056.933.812
Ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	9.791.873.213
Số dư đầu năm nay	<u>16.848.807.025</u>
Ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	(7.585.985.967)
Số dư cuối năm nay	<u>9.262.821.058</u>

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Phải trả bên thứ ba		
Ultra Deep Van Gogh Pte. Ltd.	121.008.007.292	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Thiên Nam	1.160.318.995	275.069.040.213
Ocean Works Asia Pte. Ltd.	27.668.347.860	113.759.693.066
Shelf Subsea Solutions Pte. Ltd.	70.141.248.588	-
McDermott Asia Pacific-SDN BHD	-	5.720.075.805
Khác	217.210.860.565	613.772.919.472
b. Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh 34)	<u>62.076.891.035</u>	<u>102.967.653.409</u>
	<u>499.265.674.335</u>	<u>1.111.289.381.965</u>

0.004
H
S
T
M
M

Ph

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT, VẬN HÀNH
VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Nhận ứng trước từ bên thứ ba		
Technip Geoproduction (M) SDN BHD	-	7.718.544.210
Thầu chính THCV TK CC TBCN và TC XDCT DA Nhà máy Điện gió Viên An	19.190.325.000	-
	<u>19.190.325.000</u>	<u>7.718.544.210</u>
b. Ứng trước từ các bên liên quan (Thuyết minh 34)	60.360.475.237	98.726.032.661
	<u>79.550.800.237</u>	<u>106.444.576.871</u>

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm VND	Số phải nộp/thu trong năm VND	Số đã thực nộp/ thu trong năm VND	Số cuối năm VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.363.097.953	3.614.586.498	2.251.488.545
b. Các khoản phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	11.185.754.906	-	11.185.754.906	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	22.992.423.767	-	22.992.423.767	-
Thuế thu nhập cá nhân	4.097.603.240	33.500.416.886	35.444.748.126	2.153.272.000
Thuế xuất, nhập khẩu	-	476.294.757	476.294.757	-
Thuế nhà thầu	1.224.032.882	27.898.264.130	26.294.950.073	2.827.346.939
Các loại thuế khác	-	899.200.000	899.200.000	-
	<u>39.499.814.795</u>	<u>62.774.175.773</u>	<u>97.293.371.629</u>	<u>4.980.618.939</u>

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trích trước chi phí dự án	85.920.581.661	115.575.803.618
Trích trước chi phí khác	1.696.470.079	5.657.516.344
	<u>87.617.051.740</u>	<u>121.233.319.962</u>

18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Thuế thu nhập cá nhân phải nộp	3.132.403.303	4.605.937.019
Cổ tức phải trả	1.828.569.934	1.204.992.500
Kinh phí công đoàn	1.040.351.800	578.718.094
Các khoản phải trả, phải nộp khác	24.536.436.402	37.312.836.626
	<u>30.537.761.439</u>	<u>43.702.484.239</u>

nk

19. CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Dự phòng bảo hành		
a. Ngắn hạn		
Dự án HUC Gallaf	-	12.341.405.713
Dự án PLD-SS7	-	2.436.342.943
Dự án PP4	-	1.243.014.553
Dự án Subsea 7	-	957.472.721
		16.978.235.930
b. Dài hạn		
Dự án HUC SVDN	10.146.140.249	10.146.140.249
Dự án HUC Gallaf	5.660.853.430	3.221.053.620
Dự án Long Sơn	7.521.314.117	3.083.669.290
DA E1 JVPC (2020)	-	3.009.110.760
Dự án FSO SVDN	-	1.609.371.271
Dự án DSV Thái Lan	2.818.182.393	-
Dự án Tân Thuận	475.285.807	-
	26.621.775.996	21.069.345.190

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư đầu năm trước	400.000.000.000	308.742.964.235	47.163.231.855	755.906.196.090
Lợi nhuận trong năm	-	-	101.547.480.758	101.547.480.758
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	(10.336.942.033)	(10.336.942.033)
Chia cổ tức	-	-	(28.000.000.000)	(28.000.000.000)
Số dư đầu năm nay	400.000.000.000	308.742.964.235	110.373.770.580	819.116.734.815
Lợi nhuận trong năm	-	-	25.650.386.036	25.650.386.036
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	(22.373.770.580)	(22.373.770.580)
Chia cổ tức	-	-	(60.000.000.000)	(60.000.000.000)
Số dư cuối năm nay	400.000.000.000	308.742.964.235	53.650.386.036	762.393.350.271

Theo Nghị Quyết số 06/NQ-LĐBD-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên, các cổ đông Công ty đã phê duyệt việc chia cổ tức và trích lập các quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng Ban Điều hành từ lợi nhuận của năm 2020 với số tiền lần lượt là 60.000.000.000 đồng và 22.373.770.580 đồng. Trong năm, Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức và trích lập các quỹ.



Handwritten signature

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT, VẬN HÀNH
VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH ĐẦU KHÍ BIỂN PTSC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

Vốn điều lệ

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần điều chỉnh, tổng vốn điều lệ của Công ty là 400.000.000.000 đồng, tương đương với 40.000.000 cổ phần thường với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, vốn điều lệ đã được góp đủ như sau:

Cổ đông	Theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp			Vốn đã góp
	Số cổ phần	Tỷ lệ	Số tiền (VND)	Số đầu năm và số cuối năm VND
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	33.980.700	85%	339.807.000.000	339.807.000.000
Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương	4.000.000	10%	40.000.000.000	40.000.000.000
Cổ đông khác	2.019.300	5%	20.193.000.000	20.193.000.000
	40.000.000	100%	400.000.000.000	400.000.000.000

Công ty chỉ có một loại cổ phần thường không hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, số dư tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm số ngoại tệ sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ		
- Đô la Mỹ (USD)	1.370.489	12.738

22. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh là cung cấp các dịch vụ quản lý, điều hành hoạt động xây dựng, lắp đặt, sửa chữa, vận hành, bảo dưỡng công trình đầu khí biển, cung ứng hàng hóa và nhân lực. Theo đó, Ban Giám đốc đã đánh giá và lập báo cáo bộ phận cho lĩnh vực kinh doanh theo doanh thu và giá vốn các dịch vụ cung cấp như được trình bày tại Thuyết minh số 23 và 24 bên dưới.

Doanh thu từ dịch vụ quản lý, điều hành hoạt động xây dựng, lắp đặt, sửa chữa, vận hành, bảo dưỡng công trình đầu khí biển được thực hiện cả ở trong nước và ngoài nước với chi tiết doanh thu và giá vốn theo khu vực địa lý như sau:

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu		
Trong nước	1.336.187.069.913	3.017.180.024.401
Ngoài nước	757.926.262.884	384.956.957.630
	2.094.113.332.797	3.402.136.982.031
Giá vốn		
Trong nước	1.324.163.385.692	2.811.954.803.240
Ngoài nước	657.772.174.241	348.070.917.464
	1.981.935.559.933	3.160.025.720.704

Công ty không lập báo cáo bộ phận cho tài sản và công nợ vì tài sản được sử dụng chung cho toàn bộ các dịch vụ và một nhà cung cấp có thể cung cấp nhiều loại dịch vụ cho Công ty.

010
MI N
IG 1
3LC
1E1
PHC

MA

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT, VẬN HÀNH
VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

23. DOANH THU THUẦN VỀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Dịch vụ cung ứng lao động	2.586.754.720	4.143.556.622
Dịch vụ cơ khí sửa chữa, bảo dưỡng	51.218.016.302	92.257.410.575
Dịch vụ vận chuyển, lắp đặt, đấu nối, tháo dỡ công trình biển	1.800.562.758.783	2.851.265.491.972
Dịch vụ quản lý lao động theo chính sách nhà thầu	216.195.901.829	206.465.691.799
Dịch vụ quản lý vận hành và bảo dưỡng	23.549.901.163	248.004.831.063
	2.094.113.332.797	3.402.136.982.031
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu với các bên liên quan (Thuyết minh 34)	1.241.344.773.404	2.227.714.617.354
Doanh thu với bên thứ ba	852.768.559.393	1.174.422.364.677
	2.094.113.332.797	3.402.136.982.031

24. GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Dịch vụ cung ứng lao động	661.516.735	3.164.965.977
Dịch vụ cơ khí sửa chữa, bảo dưỡng	47.718.534.749	68.785.264.684
Dịch vụ vận chuyển, lắp đặt, đấu nối, tháo dỡ công trình biển	1.717.416.692.348	2.661.952.840.810
Dịch vụ quản lý lao động theo chính sách nhà thầu	193.360.645.783	191.044.019.935
Dịch vụ quản lý vận hành và bảo dưỡng	22.778.170.318	235.078.629.298
	1.981.935.559.933	3.160.025.720.704

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	251.536.240.818	143.581.309.488
Chi phí nhân công	316.683.398.218	438.368.812.950
Chi phí khấu hao tài sản cố định	20.133.159.964	16.209.290.509
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.458.527.974.126	2.623.873.158.433
Chi phí dự phòng	6.467.670.664	53.148.525.723
Chi phí dự phòng hợp đồng có rủi ro lớn	-	12.341.405.713
Chi phí khác bằng tiền	24.459.955.246	13.974.152.612
	2.077.808.399.036	3.301.496.655.428

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi	14.225.202.901	29.032.087.481
Lãi chênh lệch tỷ giá	4.409.776.524	4.633.955.771
	18.634.979.425	33.666.043.252

TÀI CHÍNH

Ch

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	1.111.154.015	332.901.046
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.280.969.423	619.268.450
	2.392.123.438	952.169.496

28. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lương	13.220.902.502	23.056.513.141
Chi phí khấu hao tài sản cố định	26.228.656	17.728.756
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.442.490.586	2.852.413.927
Chi phí khác	337.102.550	354.060.722
	16.026.724.294	26.280.716.546

29. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên vật liệu	1.907.802.416	1.758.959.130
Chi phí lương	45.218.507.001	68.740.122.217
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.537.989.389	1.488.708.312
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.511.729.603	23.533.587.690
Chi phí dự phòng phải thu	18.335.885.315	4.719.049.210
Chi phí dự phòng hợp đồng có rủi ro lớn	-	12.341.405.713
Chi phí khác	334.201.085	2.608.385.906
	79.846.114.809	115.190.218.178

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập tính thuế năm hiện hành	12.291.838.043	40.458.056.286
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	(10.928.740.090)	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.363.097.953	40.458.056.286



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT, VẬN HÀNH
VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MÃU SỐ B 09-DN

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	34.599.469.956	132.213.663.831
Điều chỉnh cho thu nhập tính thuế		
Trừ:		
- Doanh thu chưa thực hiện năm trước	2.091.875.000	18.400.062.720
- Hoàn nhập chi phí dự phòng	9.255.312.248	11.859.662.483
- Khác	3.945.984.721	388.113.637
Cộng:		
- Các khoản chi phí không được khấu trừ	6.443.854.725	22.249.892.301
- Doanh thu chưa thực hiện năm nay	19.692.329.300	2.091.875.000
- Trích lập chi phí dự phòng	10.170.912.837	72.436.704.418
- Khác	5.845.795.366	3.945.984.721
Thu nhập tính thuế năm hiện hành	61.459.190.215	202.290.281.431
Thuế suất thông thường	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>12.291.838.043</u>	<u>40.458.056.286</u>

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập tính thuế.

31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	25.650.386.036	101.547.480.758
Trừ: Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi trong năm	22.373.770.580	16.270.000.000
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.276.615.456	85.277.480.758
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	40.000.000	40.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>82</u>	<u>2.132</u>

32. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	<u>1.780.506.300</u>	<u>1.709.006.300</u>

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	1.780.506.300	922.506.300
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	7.122.025.200	3.690.025.200
Trên năm năm	<u>5.489.894.425</u>	<u>4.612.531.500</u>

Khoản cam kết cho thuê hoạt động thể hiện các khoản phải trả cho việc thuê bến bãi với thời hạn 10 năm kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2020.



Cam kết khác

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty đã ký kết các hợp đồng cấp bảo lãnh với các ngân hàng thương mại để các ngân hàng này phát hành thư bảo lãnh tạm ứng, bảo lãnh dự thầu và bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho các dự án mà Công ty đã tham gia dự thầu và các dự án đã trúng thầu đang được triển khai thực hiện với tổng số tiền được bảo lãnh là 4.695.028 Đô la Mỹ và 147.642.259.527 đồng.

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp của chủ sở hữu, quỹ đầu tư phát triển, và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi số	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	193.149.762.033	165.432.090.159
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	84.470.000.000	215.670.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	860.391.346.281	1.368.199.332.522
	1.138.011.108.314	1.749.301.422.681
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán	499.265.674.335	1.111.289.381.965
Chi phí phải trả	87.617.051.740	121.233.319.962
Dự phòng phải trả	26.621.775.996	38.047.581.120
	613.504.502.071	1.270.570.283.047

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro về giá hàng hóa), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

2021
CHI
NG
ELC
IET
PHO

dh

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Đô la Mỹ (USD)	290.326.455.966	68.338.590.142	266.939.807.067	208.261.586.708

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá Đồng Việt Nam tăng/giảm 2% so với Đô la Mỹ. Tỷ lệ thay đổi 2% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 2% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá Đô la Mỹ so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 2% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ giảm/tăng các khoản tương ứng như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Đô la Mỹ (USD)	(467.732.978)	2.936.147.941

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng là các bên liên quan.

01/12/2016
HÀNH
Y TNHH
PTI
NAM
3 CHỖ

AL

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2021			
Tiền và các khoản tương đương tiền	193.149.762.033	-	193.149.762.033
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	84.470.000.000	-	84.470.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	860.296.346.281	95.000.000	860.391.346.281
	<u>1.137.916.108.314</u>	<u>95.000.000</u>	<u>1.138.011.108.314</u>
Phải trả người bán	499.265.674.335	-	499.265.674.335
Chi phí phải trả	87.617.051.740	-	87.617.051.740
Dự phòng phải trả	-	26.621.775.996	26.621.775.996
	<u>586.882.726.075</u>	<u>26.621.775.996</u>	<u>613.504.502.071</u>
Chênh lệch thanh khoản thuần	<u>551.033.382.239</u>	<u>(26.526.775.996)</u>	<u>524.506.606.243</u>
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2020			
Tiền và các khoản tương đương tiền	165.432.090.159	-	165.432.090.159
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	215.670.000.000	-	215.670.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.366.104.332.522	2.095.000.000	1.368.199.332.522
	<u>1.747.206.422.681</u>	<u>2.095.000.000</u>	<u>1.749.301.422.681</u>
Phải trả người bán	1.111.289.381.965	-	1.111.289.381.965
Chi phí phải trả	121.233.319.962	-	121.233.319.962
Dự phòng phải trả	16.978.235.930	21.069.345.190	38.047.581.120
	<u>1.249.500.937.857</u>	<u>21.069.345.190</u>	<u>1.270.570.283.047</u>
Chênh lệch thanh khoản thuần	<u>497.705.484.824</u>	<u>(18.974.345.190)</u>	<u>478.731.139.634</u>

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

Các thành viên thuộc Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)

<u>Tên đầy đủ</u>	<u>Tên viết tắt</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	PTSC	Công ty mẹ
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	PTSC - Supply Base	Thành viên PTSC
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí PTSC Đà Nẵng	PTSC - Đà Nẵng	Thành viên PTSC
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Tàu Dịch vụ Dầu khí	PTSC - Marine	Thành viên PTSC
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Thanh Hóa	PTSC Thanh Hóa	Thành viên PTSC
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	PTSC Quảng Ngãi	Thành viên PTSC
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	PV Shipyard	Thành viên PTSC
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai Bến Đình	PVSB	Thành viên PTSC
Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC	PTSC PPS	Thành viên PTSC
Công ty TNHH MTV Cơ khí Hàng hải PTSC	PTSC M&C	Thành viên PTSC
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khảo sát và Công trình ngầm PTSC	PTSC G&S	Thành viên PTSC
Công ty TNHH Khách sạn Dầu khí PTSC	PTSC Hotel	Thành viên PTSC
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Ban QLDA Nhiệt điện Long Phú	PTSC - Ban QLDA Nhiệt điện Long Phú	Thành viên PTSC

Các thành viên thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN)

<u>Tên đầy đủ</u>	<u>Tên viết tắt</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	PVN	Công ty mẹ
Công ty Bảo hiểm PVI Phía nam	PVI Phía Nam	Thành viên PVN
Công ty Bảo hiểm PVI Vũng Tàu	PVI Vũng Tàu	Thành viên PVN
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí	PSI	Thành viên PVN
Công ty Cổ phần Đào tạo Kỹ thuật PVD	PVD Training	Thành viên PVN
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Khoan Dầu khí PVD	PVD Tech	Thành viên PVN
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	PVC-MS	Thành viên PVN
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	BIENDONGPOC	Thành viên PVN
Công ty Đường ống Khí Nam Côn Sơn	NCSP	Thành viên PVN
Tổng Công ty Bảo dưỡng - Sửa chữa Công trình Dầu khí	PVMR Corp	Thành viên PVN
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	Petrosetco	Thành viên PVN
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	PV Trans	Thành viên PVN
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	PVEP	Thành viên PVN
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí	PVMTC	Thành viên PVN
Công ty Cổ phần Giám định Năng lượng Việt Nam	EIC	Thành viên PVN
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	DQS	Thành viên PVN
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	BSR	Thành viên PVN

VIỆT NAM
CỔ PHẦN

an

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT, VẬN HÀNH
VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch trọng yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu		
<i>Các thành viên thuộc PTSC</i>		
PTSC M&C	410.467.300.406	996.428.641.434
PTSC Quảng Ngãi	6.506.927.160	3.300.412.186
PTSC Thanh Hóa	9.843.676.125	2.744.481.112
PTSC - Marine	40.025.430	171.614.306
PTSC PPS	-	13.215.400
<i>Các thành viên thuộc PVN</i>		
PTSC	705.108.074.567	713.926.650.088
PVEP	86.302.582.667	416.971.174.246
BSR	132.690.363	72.579.504.292
BIENDONGPOC	22.088.329.541	21.389.004.290
PVD Training	63.360.000	189.920.000
NCSP	560.207.145	-
PVC-MS	231.600.000	-
	<u>1.241.344.773.404</u>	<u>2.227.714.617.354</u>
Mua hàng		
<i>Các thành viên thuộc PTSC</i>		
PTSC - Marine	25.713.236.609	70.436.730.569
PV Shipyard	41.168.877.140	32.712.672.113
PTSC - Supply Base	20.173.174.401	28.334.821.800
PTSC G&S	6.336.248.537	21.701.636.951
PTSC Quảng Ngãi	1.562.941.364	11.273.555.998
PTSC Hotel	2.637.182.497	6.214.489.945
PVSB	8.105.008.213	2.883.166.630
PTSC PPS	-	2.686.785.750
PTSC - Đà Nẵng	-	1.354.525.909
PTSC - Ban Xây dựng	-	1.148.855.000
PTSC - Ban QLDA Nhiệt điện Long Phú	5.248.763.221	332.868.039
PTSC M&C	1.115.554.422	269.660.000
PTSC Thanh Hóa	-	187.110.000
<i>Các thành viên thuộc PVN</i>		
PVD Training	20.269.495.076	28.538.809.127
PVMTC	144.165.000	11.458.331.000
Petrosetco	1.609.922.600	8.293.873.000
PVI Vũng Tàu	6.479.129.758	6.720.141.122
PVD Tech	-	3.834.298.000
PVI Phía Nam	4.587.359.330	2.840.384.691
PVC - MS	3.713.816.385	2.702.728.660
EIC	338.860.984	95.000.000
PTSC	500.000.000	63.099.145
PVEP	-	35.604.442
PVN	605.043.294	-
	<u>150.308.778.831</u>	<u>244.119.147.891</u>
Cổ tức đã trả		
PTSC	<u>50.971.050.000</u>	<u>23.786.490.000</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT, VẬN HÀNH
VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Hội đồng Quản trị		
Nguyễn Tiên Phong	152.000.000	152.000.000
Nguyễn Tuấn	76.000.000	76.000.000
Nguyễn Thế Hoàng	76.000.000	40.000.000
	304.000.000	268.000.000
Ban Giám đốc		
Dương Hùng Vãn	892.899.000	1.597.881.600
Lê Toàn Thắng	678.039.000	1.284.318.000
Nguyễn Văn Điệp	209.859.000	1.379.372.000
Vũ Chi Viện	483.580.000	1.315.087.600
Nguyễn Văn Dương	687.710.000	1.100.845.000
Vũ Đình Cao Sơn	410.550.000	-
Nguyễn Minh Ngọc	313.381.000	1.091.752.600
Hoàng Văn Duy	232.230.000	-
	3.908.248.000	7.769.256.800

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Các khoản phải thu		
Các thành viên thuộc PTSC		
PTSC M&C	21.701.717.362	136.249.615.498
PTSC Quảng Ngãi	4.627.436.048	3.300.412.187
PTSC Thanh Hóa	2.278.072.566	1.424.202.371
PTSC - Ban QLDA Nhiệt điện Long Phú	467.197.119	467.197.119
PTSC - Marine	-	151.293.446
Các thành viên thuộc PVN		
PTSC	469.141.250.381	281.410.135.310
PVEP	10.419.712.062	138.981.695.337
BIENDONGPOC	6.334.015.246	13.210.354.575
PVD Training	-	189.920.000
PVI Vũng Tàu	-	104.495.563
NCSP	616.227.859	-
	515.585.628.643	575.489.321.406

AN
TI
T
LA
SC

ML

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT, VẬN HÀNH
VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Các khoản phải trả		
Các thành viên thuộc PTSC		
PTSC - Marine	25.713.236.609	33.489.640.686
PTSC - Supply Base	15.857.995.421	16.496.797.055
PTSC Quảng Ngãi	-	6.856.880.939
PV Shipyard	9.543.743.283	5.720.314.979
PTSC Hotel	629.592.063	3.639.719.975
PTSC - Đà Nẵng	43.085.000	1.526.465.800
PTSC - Ban QLDA Nhiệt điện Long Phú	1.072.011.657	1.187.017.757
PTSC G&S	6.336.248.537	617.506.579
PTSC PPS	-	498.960.000
PVSB	122.637.735	470.633.493
PTSC M&C	77.557.700	61.182.000
Các thành viên thuộc PVN		
PVD Training	1.177.880.000	18.265.740.396
PVMTC	1.050.000	6.401.842.845
PVI Vũng Tàu	258.176.517	4.713.114.877
PVC - MS	1.019.465.185	2.931.839.726
PTSC PPS	-	35.604.442
PTSC	-	33.491.860
EIC	224.211.328	20.900.000
	<u>62.076.891.035</u>	<u>102.967.653.409</u>
Người mua trả tiền trước		
PTSC	49.264.045.575	56.521.466.544
PTSC - Ban QLDA Nhiệt điện Long Phú	11.096.429.662	11.096.429.662
PTSC Thanh Hóa	-	1.663.929.928
PTSC Quảng Ngãi	-	285.829.639
PTSC M&C	-	6.927.000.000
BSR	-	22.231.376.888
	<u>60.360.475.237</u>	<u>98.726.032.661</u>
Phải thu ngắn hạn khác		
PTSC	<u>148.885.456</u>	<u>148.885.456</u>

500
 H
 E
 1
 1/2014

ah

35. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

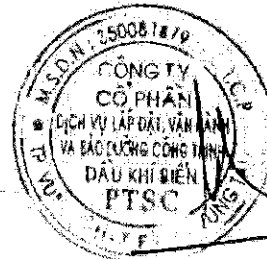
Tiền chi mua sắm tài sản cố định trong năm không bao gồm 92.620.000 đồng (năm 2020: 6.942.861.540 đồng), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Tiền thu lãi tiền gửi trong năm không bao gồm số tiền 8.373.846.574 đồng (năm 2020: 16.769.930.904 đồng), là khoản lãi tiền gửi có kỳ hạn dự thu tại ngày 31 tháng 12 năm 2021. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.

Cổ tức đã trả trong năm không bao gồm số tiền 1.828.569.934 đồng (năm 2020: 1.204.992.500 đồng), là số cổ tức còn phải thanh toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Đinh Thị Thủy
Người lập biểu

Hoàng Văn Duy
Kế toán trưởng



Dương Hùng Văn
Giám đốc
Ngày 28 tháng 3 năm 2022

Số: /TTr-POS-HĐQT

Vũng Tàu, ngày 26 tháng 4 năm 2022

TỜ TRÌNH
Về việc thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2021
và kế hoạch tài chính năm 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022

Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 và Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022; Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí Biển PTSC kính trình Đại hội đồng cổ đông phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 và Kế hoạch tài chính năm 2022 như sau:

1. Số liệu tài chính tổng hợp năm 2021:

Theo Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí Biển PTSC đã được Công ty Kiểm toán Deloitte kiểm toán, phát hành, một số chỉ tiêu tài chính của Công ty năm 2021 như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2021	Thực hiện 2021	TH 2021/ KH 2021
1	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	400,00	400,00	100,00%
+	Vốn điều lệ bình quân năm	Tỷ đồng	400,00	400,00	100,00%
2	Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	1.454,67	2.115,78	145,45%
3	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Tỷ đồng	33,38	34,60	103,65%
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tỷ đồng	26,70	25,65	96,07%
5	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH	%	3,63%	3,36%	92,56%
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ cuối năm	%	6,68%	6,41%	96,07%
7	Lợi nhuận được phân phối	Tỷ đồng	54,70	53,65	98,08%

2. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021

➤ Căn cứ xây dựng phương án phân phối:

Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 được xây dựng trên cơ sở Nghị quyết số 06/NQ-LĐBD-ĐHĐCĐ được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông Công ty tổ chức vào ngày 27/4/2021.

- Căn cứ vào tình hình tài chính, kết quả sản xuất kinh doanh đạt được trong năm 2021. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 được xây dựng trình Đại hội theo nguyên tắc: Căn cứ Nghị quyết nói trên; Đảm bảo trích lập các quỹ theo qui định của Điều lệ Công ty. Chi tiết phân chia lợi nhuận năm 2021 như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2021	Thực hiện 2021
1	Lợi nhuận được phân phối (*)	Tỷ đồng	54,70	53,65
2	Chia cổ tức	Tỷ đồng	44,00	28,00
+	Tỷ lệ chia cổ tức (%/Vốn điều lệ)	%	11%	7%
3	Quỹ đầu tư và phát triển	Tỷ đồng		
4	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Tỷ đồng	10,40	12,90
5	Quỹ thưởng ban điều hành	Tỷ đồng	0,30	0,50
6	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối	Tỷ đồng		12,25

* Lợi nhuận được phân phối (53,65 tỷ đồng): bao gồm lợi nhuận năm 2021: 25,65 tỷ đồng và lợi nhuận chưa phân phối năm 2020: 28 tỷ đồng.

3. Kế hoạch tài chính năm 2022

3.1 Kế hoạch sản xuất kinh doanh và phân phối lợi nhuận 2022

- Kế hoạch sản xuất kinh doanh:

+ Doanh thu	:	1.700 tỷ đồng
+ Tổng lợi nhuận trước thuế	:	35 tỷ đồng
+ Tổng lợi nhuận sau thuế	:	28 tỷ đồng

- Kế hoạch phân phối lợi nhuận 2022:

Hội đồng quản trị đã xây dựng Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2022 và kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt Kế hoạch và Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022, cụ thể như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2021	KH 2022/ TH 2021
1	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	400,00	400,00	100,00%
2	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Tỷ đồng	35,00	34,60	101,16%
3	Lợi nhuận thực hiện sau thuế TNDN	Tỷ đồng	28,00	25,65	109,16%
4	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	%	7,00%	6,41%	109,20%
5	Lợi nhuận được phân phối (*)	Tỷ đồng	40,25	53,65	75,02%
a	Chia cổ tức	Tỷ đồng	28,00	28,00	100,00%
+	Tỷ lệ chia cổ tức (%/VĐL)	%	7%	7%	100,00%
b	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Tỷ đồng	11,75	12,90	91,09%

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2021	KH 2022/ TH 2021
c	Quĩ thưởng ban điều hành	Tỷ đồng	0,50	0,50	100,00%

* Lợi nhuận được phân phối năm 2022 (40,25 tỷ đồng): bao gồm lợi nhuận được phân phối năm 2022: 28,00 tỷ đồng và lợi nhuận chưa phân phối của năm 2021: 12,25 tỷ đồng.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội xem xét thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT, Ban KS, Ban GD;
- Website Công ty;
- Lưu: VT, Thư ký HĐQT.

Nguyễn Tiên Phong

Số: /TTr-POS-BKS

Vũng Tàu, ngày 26 tháng 4 năm 2022

TỜ TRÌNH
Về việc thông qua việc lựa chọn Đơn vị kiểm toán
Báo cáo tài chính năm 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về việc Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí Biển PTSC,

Ban kiểm soát Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty như sau:

1. Các tiêu chí lựa chọn công ty kiểm toán độc lập:

- Là công ty hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Bộ Tài chính, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2022;
- Có kinh nghiệm kiểm toán các đơn vị có lợi ích công chúng tại Việt Nam;
- Có uy tín trong lĩnh vực kiểm toán;
- Có đội ngũ kiểm toán viên có trình độ chuyên môn tốt và nhiều kinh nghiệm lĩnh vực tương đồng với lĩnh vực hoạt động của Công ty;
- Không có xung đột về quyền lợi khi thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;
- Có mức phí kiểm toán phù hợp với phạm vi kiểm toán và kế hoạch kiểm toán của Tổng công ty.

2. Đề xuất đơn vị kiểm toán:

Căn cứ các tiêu chí nêu trên, Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua danh sách các công ty kiểm toán để lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện soát xét Báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty, bao gồm:

- Công ty TNHH Deloitte Việt Nam;
- Công ty TNHH Price Waterhouse Coopers Việt Nam;
- Công ty TNHH KPMG Việt Nam;
- Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị công ty quyết định lựa chọn một trong bốn đơn vị kiểm toán trong danh sách trên để thực hiện soát xét Báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật.

Ban kiểm soát kính trình Đại hội xem xét và thông qua.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Thành viên HĐQT ;
- Ban Giám đốc;
- Lưu: VT, BKS.

Nguyễn Lệ Trà

Số: /TTr-POS-HĐQT

Vũng Tàu, ngày 26 tháng 4 năm 2022

TỜ TRÌNH

VỀ VIỆC THÙ LAO VÀ CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT NĂM 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 và có hiệu lực kể từ ngày 1/1/2021;

Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC;

Căn cứ vào Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí Biển PTSC năm 2022,

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua đề xuất kế hoạch tiền lương, mức thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và Thành viên Ban kiểm soát của Công ty năm 2022 như sau:

I. Báo cáo tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2021:

Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-LĐBD-ĐHĐCĐ ngày 27/4/2021 của Đại hội đồng cổ đông Công ty, trong đó thông qua nội dung mức thù lao, tiền lương, thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2021. Công ty báo cáo tình hình thực hiện tiền lương, thù lao và thu nhập năm 2021 của HĐQT, Ban KS như sau:

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát Công ty:
 - Thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách (kiêm nhiệm): 05 người.
 - Thành viên Ban Kiểm soát không chuyên trách (kiêm nhiệm): 03 người.
2. Thù lao, tiền lương, thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát trong năm 2021:
 - a) Hội đồng quản trị là 1.986.356.000 VNĐ, trong đó:
 - Quỹ tiền lương là 1.124.837.000 VNĐ.
 - Quỹ thù lao là 204.000.000 VNĐ.
 - Lợi ích khác là 657.519.000 VNĐ.
 - b) Ban Kiểm soát là 70.000.000 VNĐ.
 - Quỹ thù lao là 40.000.000 VNĐ.
 - Lợi ích khác là 30.000.000 VNĐ.

Tổng thù lao, tiền lương và lợi ích khác của từng thành viên HĐQT, Ban kiểm soát năm 2021 được báo cáo cụ thể trong tài liệu Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị; Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2022.

II. Kế hoạch tiền lương, thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2022:

1. Căn cứ xây dựng Kế hoạch tiền lương, thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2022:
 - Quy chế tiền lương hiện hành của Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC.
 - Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC.
 2. Quỹ tiền lương, tiền thưởng cho Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách năm 2022:
 - Thực hiện theo Quy chế tiền lương hiện hành của Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC.
 3. Thù lao của Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát không chuyên trách (kiêm nhiệm) năm 2022:
 - Thù lao cho Thành viên Hội đồng quản trị: 3.000.000 đồng/người/tháng.
 - Thù lao cho Thành viên Ban Kiểm soát: 2.000.000 đồng/người/tháng.
 - Thù lao trả cho thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát được trả vào cuối mỗi quý.

Mức thù lao nêu trên là phù hợp với các quy định hiện hành và tình hình thực tế sản xuất kinh doanh của Công ty.
 4. Chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2022: Chi phí công vụ (bao gồm: chi phí đi lại, ăn, nghỉ thuê khách sạn, công cụ/phương tiện làm việc, hoạt động đối ngoại...) và các chi phí hợp lý khác để thực hiện nhiệm vụ được giao thực hiện theo quy định nội bộ của Công ty phù hợp với Quy định hiện hành.
- Hội đồng quản trị kính trình Đại hội cổ đông xem xét thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Thành viên HĐQT;
- Ban Giám đốc, Ban Kiểm Soát;
- Lưu: VT, Thư ký.

Nguyễn Tiên Phong

Số: /TTr-POS-HĐQT

Vũng Tàu, ngày 26 tháng 4 năm 2022

TỜ TRÌNH
Về việc nhân sự Hội đồng quản trị

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và Điều lệ của Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình dầu khí biển PTSC (Công ty POS), liên quan đến các nhân sự thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông Công ty, Hội đồng quản trị kính báo cáo một số nội dung như sau:

Nhân sự Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị Công ty POS bao gồm 05 thành viên:

STT	Hội đồng quản trị	Chức danh	Năm bầu /bỏ nhiệm
1.	Ông Nguyễn Tiên Phong	Chủ tịch HĐQT	2018
2.	Ông Dương Hùng Văn	Thành viên HĐQT	2017
3.	Ông Vũ Chi Viện	Thành viên HĐQT	2021
4.	Ông Nguyễn Tuấn	Thành viên HĐQT	2019
5.	Ông Nguyễn Thế Hoàng	Thành viên HĐQT	2021

Trong đó, ông Dương Hùng Văn được bầu giữ chức vụ Thành viên HĐQT Công ty POS và được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên 2017 vào ngày 19/4/2017. Tính đến thời điểm ĐHĐCĐ thường niên 2022 của Công ty POS, ông Dương Hùng Văn sẽ kết thúc nhiệm kỳ Thành viên HĐQT.

Thực hiện chức năng nhiệm vụ theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty, HĐQT đã công bố, lập danh sách ứng viên để thực hiện bầu nhân sự HĐQT đến các cổ đông theo quy định tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên 2022. Trên cơ sở tổng hợp danh sách ứng viên đủ tiêu chuẩn làm Thành viên HĐQT được giới thiệu từ các cổ đông đủ điều kiện theo quy định, HĐQT kính báo cáo ĐHĐCĐ danh sách ứng viên như phụ lục kèm theo.

Để đảm bảo tuân thủ quy định hiện hành của pháp luật, Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thực hiện bầu 01 Thành viên Hội đồng quản trị từ danh sách ứng viên kèm theo Tờ trình này.

Hội đồng quản trị trân trọng kính trình Đại hội xem xét và thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Thành viên HĐQT ;
- Ban Giám đốc, Ban Kiểm Soát;
- Lưu : VT, Thư ký.

Nguyễn Tiên Phong

DANH SÁCH ỨNG VIÊN(*)

(Kèm theo Tờ trình số/TTr-POS-HĐQT ngày 26/4/2022)

I. Ứng viên bầu Thành viên Hội đồng quản trị

STT	Họ tên ứng viên	Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/ĐKKD, nơi cấp, ngày cấp	Số cổ phần sở hữu (nếu có)
1.	Ông/Bà		
2.	Ông/Bà		
3.		

(*) cập nhật theo giới thiệu cổ đông và công bố trước cuộc họp theo quy định.

Số: /NQ-POS-ĐHĐCĐ

Vũng Tàu, ngày tháng năm 2022

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT
Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT,
VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2021 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2021;

Căn cứ Điều lệ hiện hành Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC;

Căn cứ Biên bản kiểm phiếu Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày .../.../2022 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2021 và kế hoạch năm 2022 của Hội đồng quản trị; Báo cáo sản xuất kinh doanh năm 2021 và kế hoạch năm 2022 của Ban điều hành; Báo cáo tình hình hoạt động năm 2021 và kế hoạch năm 2022 của Ban kiểm soát như các tài liệu kèm theo.

Điều 2: Thông qua Kế hoạch kinh doanh năm 2022 với các chỉ tiêu như sau:

- | | |
|-------------------------|-------------------|
| 1. Doanh thu | : 1.700 tỷ VNĐ |
| 2. Lợi nhuận trước thuế | : 35 tỷ VNĐ |
| 3. Lợi nhuận sau thuế | : 28 tỷ VNĐ |
| 4. Tỷ lệ chia cổ tức | : 07%/vốn điều lệ |

Điều 3: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.

Điều 4: Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 và kế hoạch tài chính năm 2022 theo đề xuất của Hội đồng quản trị, cụ thể như sau:

1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số tiền
1	Lợi nhuận sau thuế năm 2021	Tỷ đồng	25,65

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số tiền
2	Lợi nhuận được phân phối ^(*)	Tỷ đồng	53,65
3	Chia cổ tức (07% Vốn điều lệ)	Tỷ đồng	28,00
4	Quĩ khen thưởng phúc lợi	Tỷ đồng	12,90
5	Quĩ thưởng ban điều hành	Tỷ đồng	0,50
6	LN còn lại chưa phân phối	Tỷ đồng	12,25

() Lợi nhuận được phân phối (53,65 tỷ đồng): bao gồm lợi nhuận năm 2021: 25,65 tỷ đồng và lợi nhuận chưa phân phối năm 2020: 28 tỷ đồng.*

- Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn thời điểm phù hợp và thực hiện các thủ tục cần thiết để phân bổ lợi nhuận năm 2021 theo phương án đã được phê duyệt.

2. Chi tiết Kế hoạch tài chính năm 2022:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2022
1	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	400,00
2	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Tỷ đồng	35,00
3	Lợi nhuận thực hiện sau thuế TNDN	Tỷ đồng	28,00
4	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	%	7%
5	KH phân phối lợi nhuận năm 2021	Tỷ đồng	
	Lợi nhuận được phân phối (*)	Tỷ đồng	40,25
+	Chia cổ tức 07% Vốn điều lệ	Tỷ đồng	28,00
+	Quĩ khen thưởng phúc lợi	Tỷ đồng	11,75
+	Quĩ thưởng ban điều hành	Tỷ đồng	0,50

() Lợi nhuận được phân phối năm 2022 (40,25 tỷ đồng): bao gồm lợi nhuận được phân phối năm 2022: 28,00 tỷ đồng và lợi nhuận chưa phân phối của năm 2021: 12,25 tỷ đồng.*

Điều 5: Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty trong Danh sách các Công ty kiểm toán theo Tờ trình số/TTr-POS-BKS ngày .../.../2022 của Ban Kiểm soát, đảm bảo đúng Quy định hiện hành.

Điều 6: Thông qua thù lao và chi phí hoạt động Thành viên Hội đồng quản trị và Thành viên Ban kiểm soát năm 2022 như sau:

1. Quỹ tiền lương, tiền thưởng cho Thành viên Hội đồng quản trị và Thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách thực hiện theo đúng Quy chế tiền lương hiện hành của Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC.

2. Thù lao của Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát không chuyên trách (kiêm nhiệm) năm 2022:

- Thù lao cho Thành viên Hội đồng quản trị: 3.000.000 đồng/người/tháng
- Thù lao cho Thành viên Ban Kiểm soát: 2.000.000 đồng/người/tháng

Chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2022: Chi phí công vụ (gồm: chi phí đi lại, ăn, nghỉ thuê khách sạn, công cụ/phương tiện làm việc, hoạt động đối ngoại...) và các chi phí hợp lý khác để thực hiện nhiệm vụ được giao thực hiện theo quy định nội bộ của Công ty phù hợp với Quy định hiện hành.

Điều 7: Thông qua kết quả bầu Thành viên Hội đồng quản trị như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ trúng cử
1	Ông/Bà	Thành viên Hội đồng quản trị

Điều 8: Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc thủ tục với các bên liên quan, các nội dung tại Nghị quyết này có thể được ban hành riêng thành các Nghị quyết khác nhau và không trái với nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

2. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Nơi nhận:

- Như Điều 8;
- Đại hội đồng cổ đông;
- UBCKNN, HNX, VSD;
- Ban Giám đốc;
- Trưởng các phòng chức năng;
- Website Công ty;
- Lưu: VT, Thư ký HĐQT.

Nguyễn Tiên Phong

Tài liệu kèm theo:

- Phụ lục 1: Báo cáo tình hình hoạt động năm 2021 và Kế hoạch năm 2022 của Hội đồng quản trị;
- Phụ lục 2: Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 và kế hoạch năm 2022 của Ban điều hành;
- Phụ lục 3: Báo cáo tình hình hoạt động năm 2021 và Kế hoạch năm 2022 của Ban Kiểm soát;
- Phụ lục 4: Tờ trình số .../TTr-POS-BKS ngày .../.../2022 về việc thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022.